

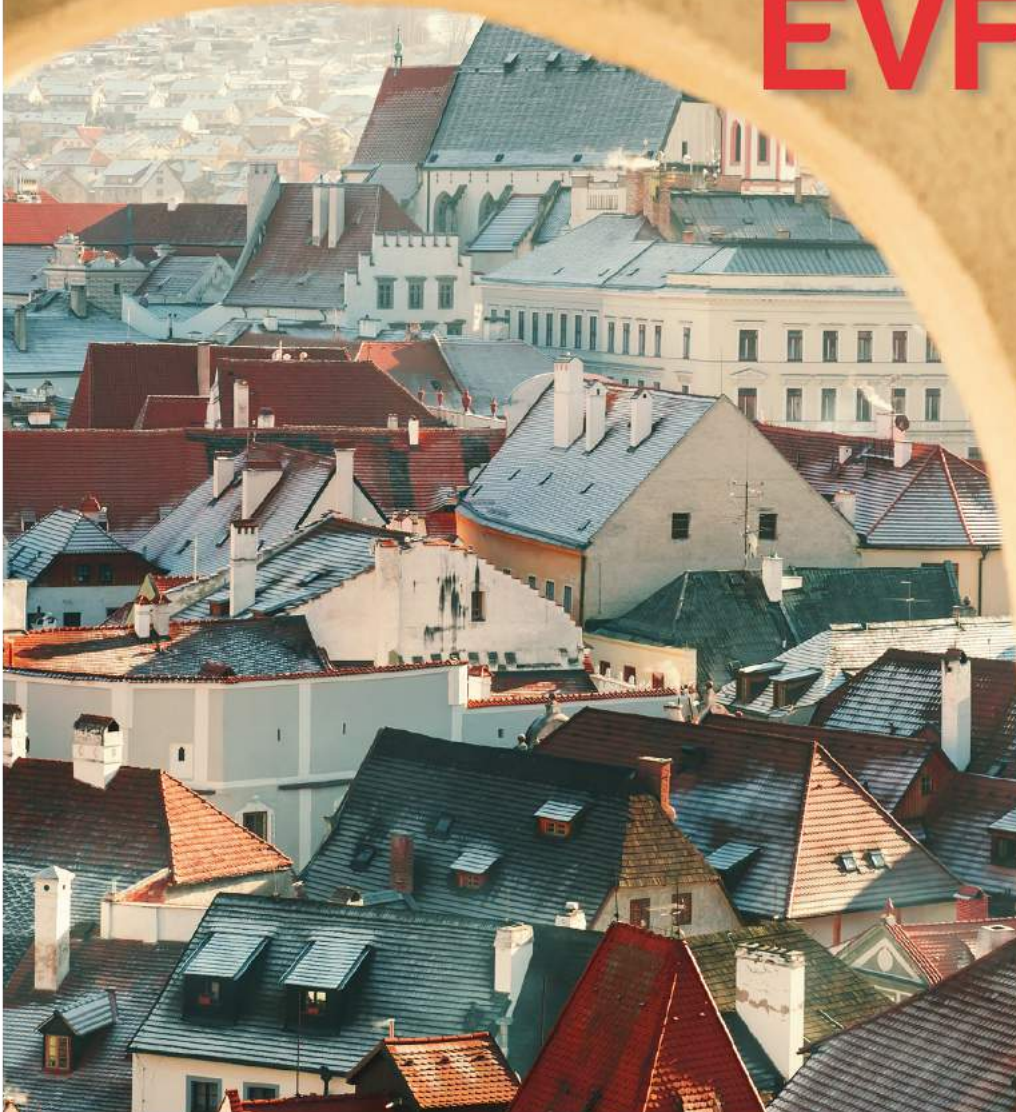
BẢN TIN

Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại

Số 29+30, Quý III + IV/2022

www.trungtamwto.vn

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM SAU HAI NĂM THỰC THI **EVFTA**



Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”, ấn phẩm xuất bản hàng quý của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới.

Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp. Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.



**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 35771458

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn

Facebook.com/trungtamwtovahoinhap



TIN VIỆT NAM 04

- 05 Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài của Việt Nam năm 2022
-
- 12 Tình hình một năm thực thi Hiệp định RCEP
-
- 14 Xuất khẩu Việt Nam cuối năm gặp nhiều khó khăn
-
- 16 Con đường xuất khẩu nông sản Việt Nam tiếp tục rộng mở
-
- 20 Các “tiêu chuẩn xanh” của EU và tác động tới xuất khẩu Việt Nam
-
- 23 Tổng hợp diễn tiến các vụ điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) liên quan tới hàng hóa xuất, nhập khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2022
-

TIN QUỐC TẾ 29

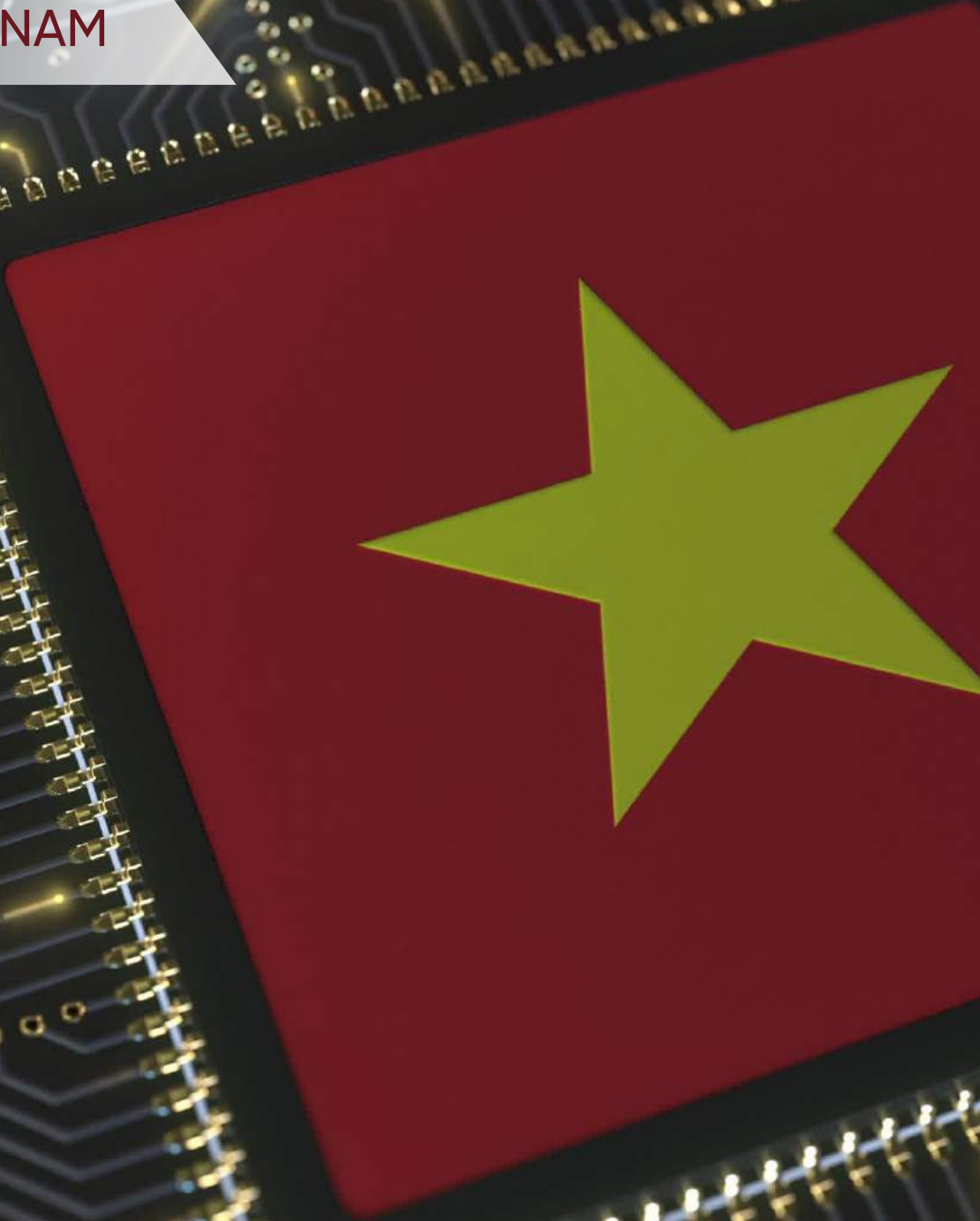
- 30 Xung đột Nga – Ukraine và ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu
-
- Diễn biến các điểm nóng căng thẳng thương mại năm 2022
Mỹ - Trung: Căng thẳng cuộc chiến chip
Mỹ - EU: Mâu thuẫn từ Đạo luật Giám lạm phát
-
- 32 Xu hướng nâng cấp các FTA của ASEAN
-
- 35 CPTPP có hiệu lực với Malaysia và tiếp tục thu hút đối tác mới
-
- 38 Anh lùi thời gian áp dụng nhãn UKCA cho doanh nghiệp
-
- 41 Xu hướng đàm phán các Hiệp định kinh tế kỹ thuật số của Singapore
-
- 43 FTA Campuchia - Hàn Quốc chính thức có hiệu lực
-

CHUYÊN ĐỀ 44

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
SAU HAI NĂM THỰC THI EVFTA



TIN VIỆT NAM



BỨC TRANH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CỦA VIỆT NAM NĂM 2022

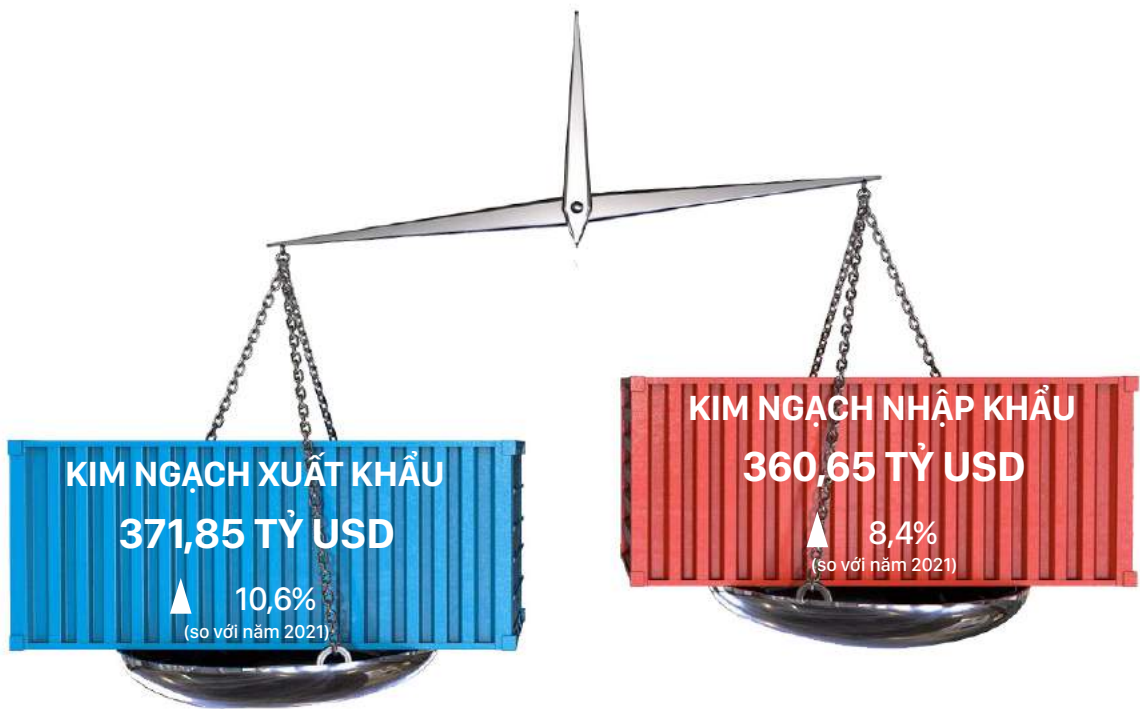
Xuất nhập khẩu

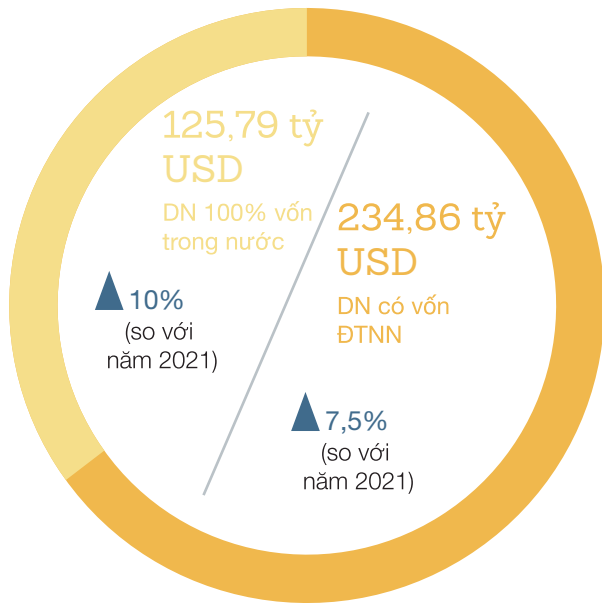
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Cán cân thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2022

Tổng kim ngạch XNK
732,5 tỷ USD

Thặng dư thương mại
11,2 tỷ USD



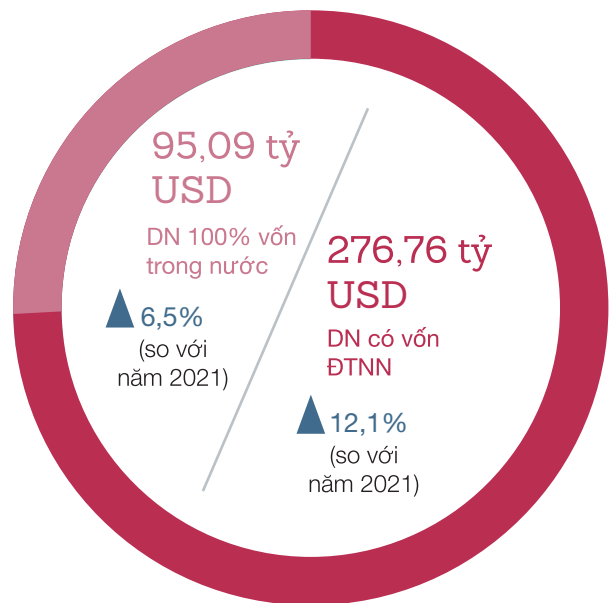


Tỷ lệ xuất khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp (tỷ USD)

- Doanh nghiệp 100% vốn trong nước
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Tỷ lệ nhập khẩu theo loại hình vốn doanh nghiệp (tỷ USD)

- Doanh nghiệp 100% vốn trong nước
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

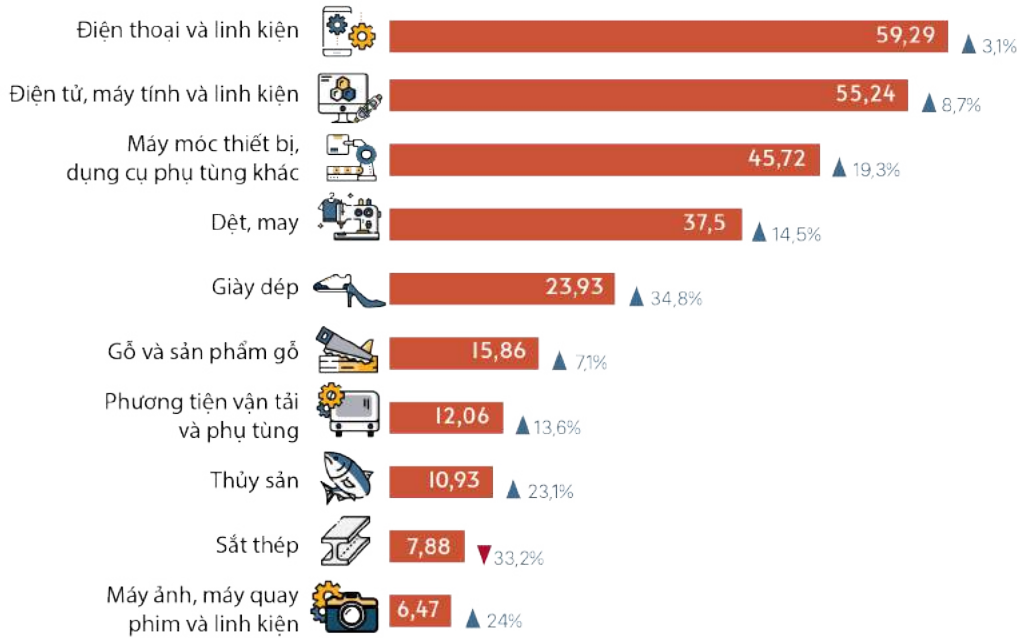


Nhận xét:

- Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ cuộc xung đột Nga-Ukraine, xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam trong 2022 vẫn ghi nhận những con số hết sức ấn tượng. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam ghi nhận mức kỷ lục 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm 2021, trong đó xuất khẩu đạt 371,85 tỷ USD (tăng 10,6% so với năm 2021) và nhập khẩu đạt 360,65 tỷ USD (tăng 8,4% so với năm 2021). Kết quả này cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch và khả năng ứng phó linh hoạt của doanh nghiệp Việt Nam trước những biến động bất ổn của nền kinh tế toàn cầu.
- Cán cân thương mại của Việt Nam tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư với giá trị xuất siêu 11,2 tỷ USD, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 41,9 tỷ USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 30,7 tỷ USD. Năm 2022 cũng là năm thứ 7 liên tiếp Việt Nam có thặng dư thương mại.
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong các hoạt động thương mại của Việt Nam, với xuất khẩu 276,76 tỷ USD, chiếm 74,4% kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đạt 234,86 tỷ USD, chiếm 65,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

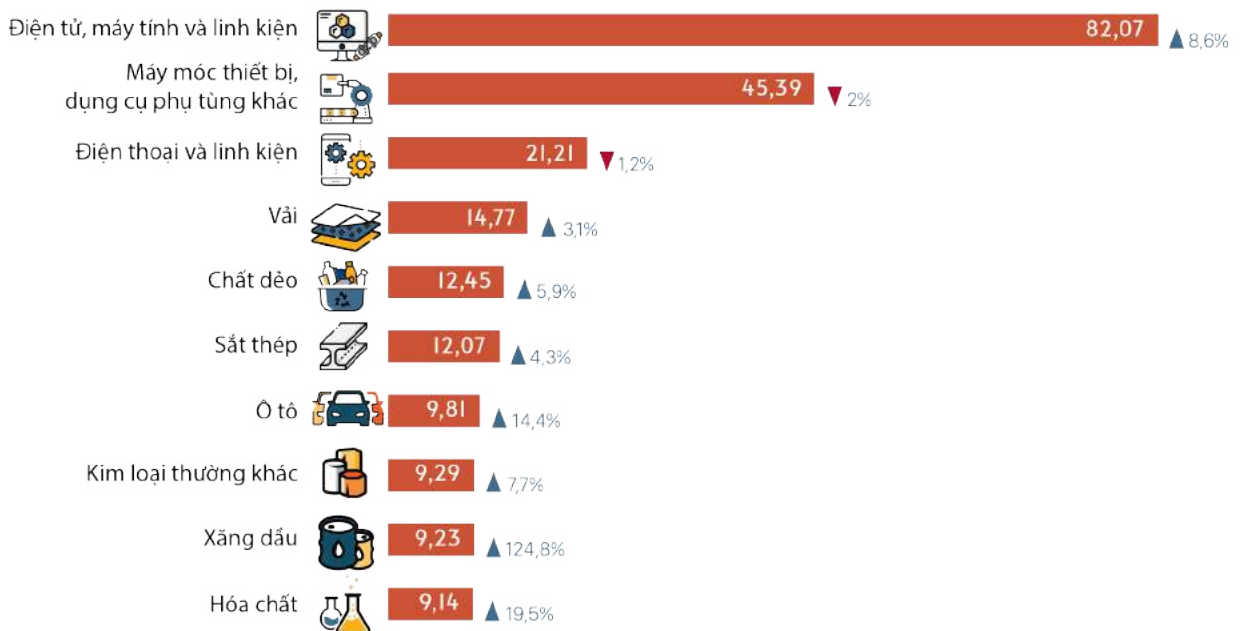
Những sản phẩm xuất nhập khẩu chủ lực của Việt Nam năm 2022 so với năm 2021

Sản phẩm xuất khẩu chủ lực



(Đơn vị: tỷ USD)

Sản phẩm nhập khẩu chủ lực



(Đơn vị: tỷ USD)

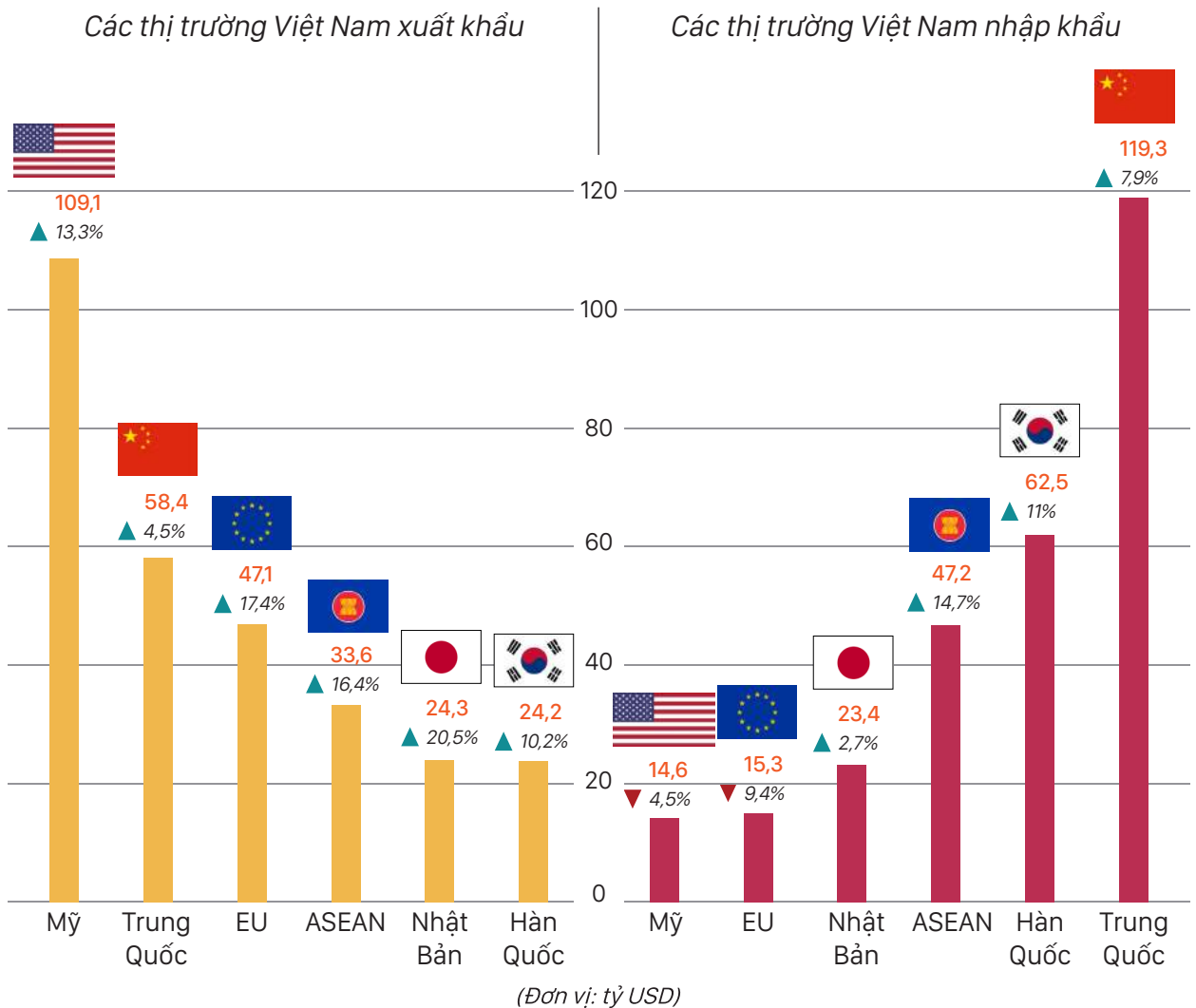


Nhận xét:

- Năm 2022, bất chấp nhiều tác động tiêu cực từ thị trường thế giới, hầu hết các mặt hàng xuất nhập khẩu top đầu của Việt Nam đều có mức tăng trưởng khả quan, trong đó một số mặt hàng có mức tăng trưởng ấn tượng.
- Về xuất khẩu, trong năm 2022, có 36 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (chiếm 94% tổng kim ngạch xuất khẩu), trong đó có 8 mặt hàng xuất khẩu có giá trị trên 10 tỷ USD (chiếm 70,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước). Hầu hết các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều duy trì mức tăng trưởng dương. Tuy nhiên, trong khi một số mặt hàng đạt mức tăng trưởng cao như giày dép (tăng 34,8%), thủy sản (tăng 23,1%), máy móc, dụng cụ phụ tùng (tăng 19,3%)... thì một số mặt hàng lại có mức tăng trưởng chậm hơn đáng kể so với mức tăng năm 2021, trong đó phải kể đến điện thoại và linh kiện chỉ tăng 3,1% (năm 2021 tăng 12,4%), điện tử, máy tính và linh kiện chỉ tăng 8,7% (năm 2021 tăng 14%)..., thậm chí có sắt thép giảm 33,2% so với năm 2021 (năm 2021 tăng 124,3%).
- Về nhập khẩu, trong năm 2022, có 46 mặt hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỷ USD (chiếm 93,3% tổng kim ngạch nhập khẩu), trong đó có 6 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD (chiếm 52,1%). Các mặt hàng nhập khẩu top đầu đều có mức tăng trưởng thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái, đáng chú ý, có 2 nhóm sản phẩm có giá trị nhập khẩu giảm trong năm 2022 là máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng (giảm 2%) và điện thoại và linh kiện (giảm 1,2%). Sự sụt giảm đà tăng trưởng nhập khẩu các mặt hàng này có thể được lý giải là do việc gián đoạn chuỗi cung ứng và đồng USD tăng giá mạnh, khiến cho hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trở nên đắt hơn tương đối so với trước đây, dẫn đến lượng nhập khẩu giảm và tổng giá trị nhập khẩu giảm.



Các thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2022



Nhận xét:

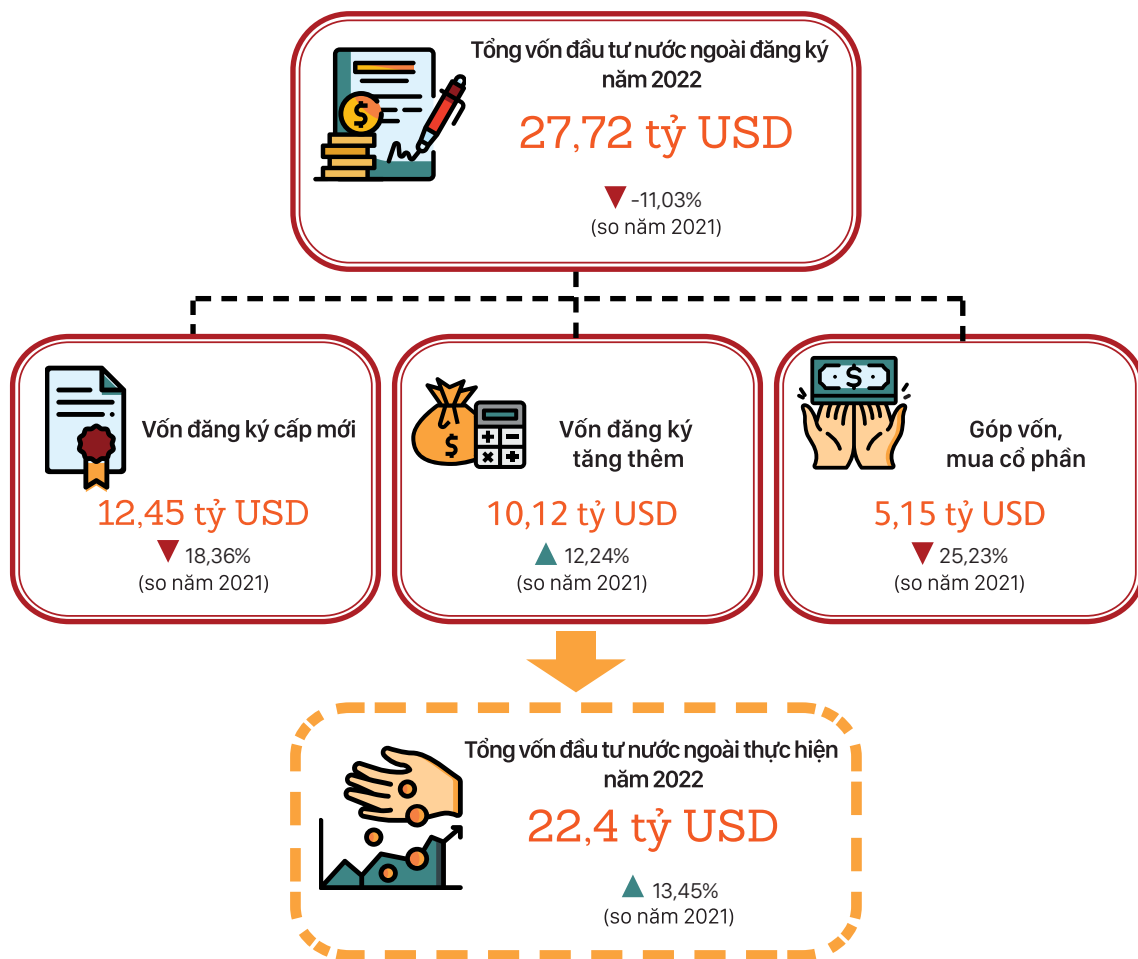
- Mỹ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản vẫn duy trì là các đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua. Trong năm 2022, bất chấp những biến động bất ổn của tình hình kinh tế thế giới, trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các nước đối tác này vẫn tiếp tục ghi nhận những con số khả quan.
- Về xuất khẩu, năm 2022, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 29,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với tổng giá trị xuất khẩu đạt 109,1 tỷ USD, tăng 13,3% so với năm ngoái. Ngoài ra, Mỹ cũng là thị trường mà Việt Nam xuất siêu nhiều nhất với thặng dư thương mại đạt 94,5 tỷ USD (kim ngạch xuất khẩu gấp 7,5 lần kim ngạch nhập khẩu). Sau Mỹ, Trung Quốc và EU lần lượt là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 và thứ 3 của Việt Nam trong năm 2022.
- Về nhập khẩu, Trung Quốc vẫn duy trì là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 33,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2022 với tổng giá trị nhập khẩu đạt 119,3 tỷ USD, tăng 7,9% so với năm 2021. Thêm vào đó, Trung Quốc cũng là quốc gia Việt Nam nhập siêu nhiều nhất với mức nhập siêu lên đến 60,9 tỷ USD (nhập khẩu gấp đôi xuất khẩu). Sau Trung Quốc, Hàn Quốc là nguồn nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam với giá trị nhập khẩu là 62,5 tỷ USD, chiếm 17,3% tổng nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu từ Mỹ và EU của Việt Nam có xu hướng giảm, với mức giảm lần lượt là 4,5% và 9,4%.



Đầu tư

(Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

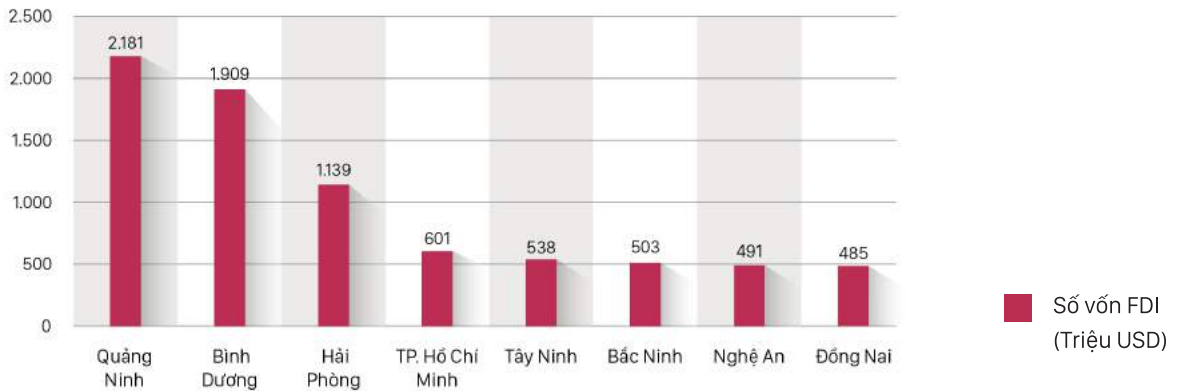
Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam năm 2022



Nhận xét:

- Nếu như tổng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện năm 2021 giảm do tình hình COVID-19 diễn biến phức tạp, thì trong năm 2022, vốn đầu tư thực hiện của các dự án nước ngoài tại Việt Nam đã có sự trở lại (tăng 13,45% so với năm 2021), đạt mức 22,4 tỷ USD. Đây là số vốn FDI được giải ngân cao nhất từ trước đến nay của Việt Nam. Kết quả này cho thấy niềm tin của các nhà đầu tư vào môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng.
- Trái ngược với vốn đầu tư nước ngoài thực hiện, vốn đầu tư đăng ký năm 2022 chỉ đạt 27,72 tỷ USD, giảm hơn 11% so với năm trước. Sự sụt giảm này có thể được lý giải là do các nhà đầu tư nước ngoài giảm đầu tư vào Việt Nam qua các hình thức đăng ký mới (giảm 18,4%) hay đầu tư gián tiếp – góp vốn, mua cổ phần (giảm 25,2%). Đáng chú ý, trong 6 tháng đầu năm 2022, hình thức đầu tư gián tiếp (góp vốn, mua cổ phần) đang tăng mạnh gần 42% nhưng cuối năm lại quay đầu giảm mạnh khi nhà đầu tư đồng loạt rút vốn và thoát khỏi thị trường. Tuy nhiên, dấu hiệu đáng mừng là, mặc dù vốn đầu tư đăng ký mới và đầu tư gián tiếp giảm nhưng số dự án đầu tư mới tăng lên (tăng 17,1%), vốn điều chỉnh cũng tăng 12,2% so với năm 2021.

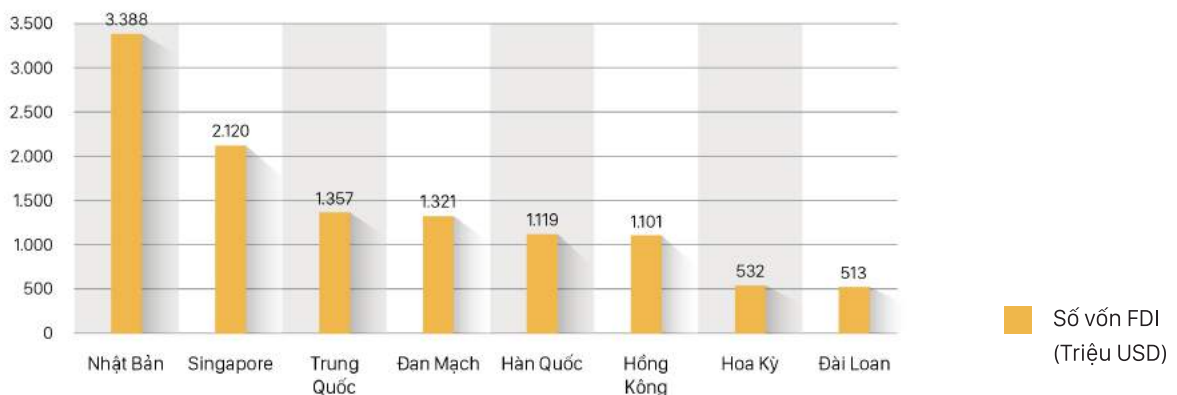
Tốp 8 địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2022



Nhận xét:

- Năm 2022, Quảng Ninh là địa phương có số vốn đăng ký cấp mới nhiều nhất với 2,18 tỷ USD cho 9 dự án, chiếm 17,5% tổng số vốn FDI đăng ký mới của cả nước. Phần lớn số vốn này là từ Dự án Nhà máy Điện khí LNG Quảng Ninh với tổng vốn đăng ký trên 1,998 tỷ USD.
- Sau Quảng Ninh, Bình Dương là tỉnh thành có vốn đăng ký cấp mới đứng thứ 2 của Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký mới là 1,91 tỷ USD với 58 dự án cấp mới. Trong đó, Bình Dương thu hút được 01 dự án lớn trong năm nay là Dự án xây dựng nhà máy sản xuất tại KCN VSIP III của Tập đoàn Lego (Đan Mạch) với tổng vốn đăng ký trên 1,3 tỷ USD.
- Đáng chú ý, năm 2022 là năm đầu tiên tỉnh Nghệ An lọt vào tốp các địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất cả nước (đứng vị trí thứ 7) với 19 dự án có tổng số vốn đăng ký cấp mới là 490,5 triệu USD.

Tốp 8 đối tác có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2022



Nhận xét:

- Năm 2022, Nhật Bản vươn lên trở thành quốc gia có số vốn đăng ký cấp mới nhiều nhất tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư là 3,39 tỷ USD cho 203 dự án, chiếm 27,2% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước. Trong đó, dự án đầu tư nổi bật của Nhật Bản tại Việt Nam phải kể đến Dự án Nhà máy Điện khí LNG Quảng Ninh (dự án có tổng vốn đăng ký trên 1,998 tỷ USD).
- Sau Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc là hai quốc gia có vốn đầu tư đăng ký mới nhiều thứ 2 và thứ 3 vào Việt Nam, với tổng số vốn đầu tư đăng ký mới lần lượt là 2,12 tỷ USD cho 280 dự án và 1,36 tỷ USD cho 283 dự án.



TÌNH HÌNH MỘT NĂM THỰC THI HIỆP ĐỊNH RCEP

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) chính thức có hiệu lực từ 01/01/2022, đến nay đã đi vào thực thi được một năm và phần nào thể hiện được hiệu quả trong việc thúc đẩy kinh tế của các nước thành viên. Đối với Việt Nam, việc triển khai Hiệp định thương mại lớn nhất thế giới trong năm qua cũng đã đem lại nhiều kết quả tích cực cả về lĩnh vực thương mại và đầu tư.

Đối với hoạt động xuất nhập khẩu

Với lợi thế về quy mô thị trường cùng với lợi thế về hài hòa quy tắc xuất xứ, RCEP được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam tăng cường vị thế thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và 14 quốc gia đối tác ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và châu Đại Dương. Đúng như những gì đã kỳ vọng, chỉ trong năm đầu thực thi, RCEP đã đem lại nhiều kết quả tích cực đáng ghi nhận.

■ Về xuất khẩu

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên RCEP đạt 146,5 tỷ USD, tăng 10,9% so với năm ngoái. Trong đó, 3 thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc với giá trị xuất khẩu đạt 57,7 tỷ USD, Hàn Quốc đạt 24,3 tỷ USD và Nhật Bản đạt 24,2 tỷ USD, với mức tăng trưởng lần lượt là 3,02%, 10,7% và 20,4% so với năm 2021. Đặc biệt, bất chấp những biến động khó lường đang làm chao đảo nền kinh tế thế giới, xuất khẩu của Việt Nam sang phần lớn các nước thành viên RCEP đều tăng trưởng dương, trong đó một số thị trường có mức tăng trưởng ấn tượng như Brunei (tăng 164,3%); Myanmar (tăng 30,2%); Malaysia (tăng 27,3%); Australia (tăng 24,7%); Thái Lan (tăng 21,3%); Nhật Bản (tăng 20,4%)...

Trong cơ cấu ngành hàng xuất khẩu, dệt may và thủy sản – hai ngành hàng được nhận định sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ RCEP đã biến cơ hội thành hiện thực khi xuất khẩu sang các nước thành viên RCEP đều đạt mức tăng trưởng cao. Cụ thể, trong năm 2022, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các nước RCEP đạt 11,08 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm trước, xuất khẩu thủy sản cũng tăng trưởng ấn tượng với 34,9%, đạt kim ngạch 5,39 tỷ USD.

■ Về nhập khẩu

Không chỉ tạo ra lợi thế cho hàng Việt Nam xuất khẩu, RCEP cũng đem lại lợi ích tương tự cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên vào Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu từ các quốc gia RCEP trong năm 2022 đạt 261,5 tỷ USD, chiếm khoảng 72,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn ở khía cạnh tích cực, RCEP tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận nguồn cung nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị từ các nước thành viên RCEP với giá thành cạnh tranh hơn, nhờ đó tiết kiệm được chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Song hành với đó, việc thực thi RCEP cũng đem đến những bất lợi nhất định như tạo ra áp lực cạnh tranh lớn tại thị trường nội địa, làm trầm trọng hơn thâm hụt thương mại, khi những đối tác mà Việt Nam vốn đã thâm hụt thương mại nhiều nhất đều nằm trong khu vực RCEP.

Đối với hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài

Bên cạnh lợi ích đối với thương mại, các cam kết trong RCEP cũng đem lại cơ hội thu hút đầu tư lớn, đặc biệt khi RCEP đang là khu vực quy tụ nhiều đối tác đầu tư hàng đầu của Việt Nam. Nắm bắt những cơ hội đã được nhận định từ trước, Việt Nam đã có một năm khá thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài từ khu vực này vào Việt Nam.

Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, trong năm 2022, vốn đầu tư đăng ký cấp mới của các nước thành viên RCEP tại Việt Nam đạt 8,12 tỷ USD, chiếm 65,2% tổng vốn đăng ký mới của cả nước. Trong đó, nguồn vốn chủ yếu đến từ các quốc gia Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc - vốn là những đối tác đầu tư lớn lâu năm vào Việt Nam và hiện chiếm khoảng 98,3% tổng vốn đầu tư của khu vực RCEP.

Trong bối cảnh các nước đang trong quá trình phục hồi kinh tế và định hình lại chuỗi cung ứng sau đại dịch COVID-19, vai trò của RCEP lại càng quan trọng đối với Việt Nam trong việc thu hút đầu tư từ các quốc gia trong khối. Trên thực tế, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Malaysia... hiện đều đang tăng tốc đầu tư ra nước ngoài để mở rộng chuỗi sản xuất và cung ứng. Do đó, trong thời gian tới RCEP tiếp tục được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ làn sóng đầu tư mới từ các nguồn truyền thống này vào Việt Nam.

Hiệp định RCEP đã chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 với 06 nước ASEAN (Brunei, Campuchia, Lào, Singapore, Thái Lan, Việt Nam), và 04 nước đối tác là Trung Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand. Tiếp sau đó, RCEP lần lượt có hiệu lực với Hàn Quốc vào ngày 1/2/2022, có hiệu lực với Malaysia vào ngày 18/3/2022 và có hiệu lực với Indonesia vào ngày 2/1/2023. Như vậy, cho đến nay RCEP đã có hiệu lực với tổng cộng 13 nước, chỉ còn 02 nước chưa phê chuẩn là Myanmar và Philippines.

Như vậy, sau một năm chính thức được đưa vào thực thi, Hiệp định RCEP đã đem lại nhiều tác động tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam, được ghi nhận qua những kết quả khả quan về cả thương mại và đầu tư nước ngoài. Có thể nói, những thành tích này là rất có ý nghĩa đối với nước ta trong giai đoạn phục hồi kinh tế sau đại dịch, cũng như trong bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới đầy biến động như hiện nay. Với những kết quả bước đầu đạt được trong một năm thực thi Hiệp định, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để kỳ vọng vào nhiều cơ hội rộng mở hơn trong tương lai gần khi RCEP tiếp tục được triển khai sâu rộng hơn. ■

Doanh nghiệp có thể tham khảo thông tin về Hiệp định RCEP trên website của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link sau: <https://trungtamwto.vn/fta/197-rcep-/1>

(Website www.trungtamwto.vn/(tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> Mục FTA >> RCEP)





XUẤT KHẨU VIỆT NAM CUỐI NĂM GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN

Kết thúc năm 2022, xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục lập đỉnh mới khi cán mốc 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước. Trong số các mặt hàng xuất khẩu, có đến 36 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD và 8 mặt hàng ghi nhận kim ngạch trên 10 tỷ USD. Đây đều là những con số hết sức ấn tượng của xuất khẩu Việt Nam trong bối cảnh suy thoái, lạm phát đang diễn ra trên toàn cầu.

Tuy nhiên, không nằm ngoài những biến động của kinh tế thế giới, xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu trong những tháng cuối năm cũng gặp nhiều khó khăn đáng kể. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu cả năm tăng 10,6% so với năm 2021, song kim ngạch xuất khẩu quý IV/2022 lại giảm 7,1% so với quý III/2022 và giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước.

Xu thế giảm đơn hàng do lạm phát

Trên thực tế, quý cuối năm thường là giai đoạn bùng nổ về sản xuất, xuất khẩu nói chung do nhu cầu tiêu thụ tăng cao tại nhiều thị trường nhằm phục vụ các dịp lễ tết. Tuy nhiên, xuất khẩu những tháng cuối năm của Việt Nam lại giảm sút cho thấy chúng ta cũng không nằm ngoài ảnh hưởng từ những biến động bất lợi của kinh tế thế giới, trong đó phải kể đến là tình trạng lạm phát leo thang ở nhiều nước, suy thoái kinh tế toàn cầu, và chi phí nguyên vật liệu tăng cao.

Về lạm phát, "cơn bão" gia tăng giá cả đã diễn ra ở nhiều nền kinh tế trên thế giới trong đó có những thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam dẫn đến việc giảm nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt là đối với các mặt hàng không thiết yếu. Tại EU, lạm phát liên tục tăng cao và đã leo lên mức kỷ lục 10,7% vào tháng 10/2022, sau đó giảm nhẹ dần nhưng vẫn ở mức cao 9,2% vào tháng 12/2022. Tại Mỹ, lạm phát lập đỉnh ở mức 9,1% vào tháng 6/2022 và giảm dần theo các biện pháp điều chỉnh lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) xuống còn 6,5% trong tháng 12/2022. Ngược lại với xu thế ổn định dần tại phương Tây, lạm phát tại Nhật Bản đã tăng liên tiếp trong vòng 16 tháng, và lên tới 4% trong tháng 12/2022, đạt mức cao nhất kể từ năm 1982 đến nay. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP thế giới sẽ giảm từ 3,1% năm 2022 xuống 2,2% năm 2023; trong đó, tăng trưởng kinh tế Mỹ giảm từ 1,8% năm 2022 xuống 0,5% năm 2023; khu vực châu Âu cũng giảm từ 3,3% xuống 0,5%.

Bên cạnh đó, suy thoái kinh tế thế giới nói chung đã dẫn đến tình trạng lần đầu tiên các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có xu hướng bị giảm đơn hàng trong giai đoạn cuối năm 2022, đầu năm 2023, đặc biệt khi so với cùng kỳ các năm trước đó. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, da giày, gỗ... là những mặt hàng chịu ảnh hưởng nhiều nhất. Cụ thể,





đối với ngành dệt may, đơn hàng từ cuối năm 2022 tới quý I/2023 giảm 25-27% so với cùng kỳ năm ngoái do tác động của lạm phát và lượng hàng tồn kho từ phía các nhà nhập khẩu cao. Thậm chí nhiều doanh nghiệp dệt may chỉ nhận được đơn hàng bằng 70-80% năng lực sản xuất của doanh nghiệp. Cũng giống với dệt may, xuất khẩu của ngành da giày, gỗ những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023 cũng không mấy khả quan khi lượng đơn hàng giảm sút, xuất khẩu nhỏ giọt.



Doanh nghiệp cần chủ động ứng phó

Xuất khẩu của Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục gặp khó khăn đến giữa năm 2023 bởi tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn. Đặc biệt, lạm phát vẫn tiếp tục leo thang đặc biệt ở hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Mỹ và EU, khiến sức mua lao dốc. Điều này đòi hỏi tính chủ động và linh hoạt rất lớn của doanh nghiệp Việt Nam để vượt qua thách thức hiện tại.

Cụ thể, trước những biến động khó lường của tình hình kinh tế trên thế giới, doanh nghiệp Việt Nam có thể cân nhắc tìm kiếm các đơn hàng mới, chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời nghiên cứu khai thác thị trường nội địa còn nhiều tiềm năng, giảm thiểu rủi ro khi phụ thuộc quá nhiều vào một đối tác hay các thị trường xuất khẩu truyền thống. Theo đó, doanh nghiệp có thể tăng cường mở rộng thị trường các nước khu vực châu Á – khu vực ít bị ảnh hưởng bởi lạm phát hơn so với bình diện chung thế giới. Ngoài ra, để không phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung nhập khẩu từ nước ngoài, doanh nghiệp cũng có thể tính toán để đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, đặc biệt là các nguồn ngay tại thị trường nội địa, hoặc chủ động đầu tư tự sản xuất từ khâu nguyên vật liệu đầu tiên để giảm chi phí, nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Thêm vào đó, doanh nghiệp cũng có thể chủ động liên hệ nhận hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước, các hiệp hội trong ngành, cùng với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp kết nối đối tác, được phổ biến thông tin gia nhập và các rào cản tại những thị trường tiềm năng... để quá trình hội nhập hóa được thuận lợi hơn. ■



CON ĐƯỜNG XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM TIẾP TỤC RỘNG MỞ

Nông sản là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp tích cực vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), trong năm 2022, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt khoảng 22,59 tỷ USD, tăng 4,8% so với năm 2021, trong đó có 05 nhóm hàng có kim ngạch đạt trên 2 tỷ USD là cà phê, cao su, gạo, rau quả, và điều. Đặc biệt là trong nửa cuối năm nay, ngành nông sản Việt Nam liên tục đón nhận tin vui khi nhiều loại nông sản của nước ta như chuối tươi, khoai lang, tổ yến, bưởi, nhãn... được cấp phép xuất khẩu sang các thị trường phát triển và có tiêu chuẩn cao trên thế giới như Trung Quốc, New Zealand, Mỹ, Nhật Bản. Điều này tạo ra cơ hội lớn cho xuất khẩu, mở ra một tương lai sáng và bền vững cho nông sản Việt Nam.

Trung Quốc – Nhiều nông sản Việt được cấp phép chính ngạch

Nửa cuối năm 2022 được coi là thời điểm khởi sắc của nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc theo đường chính ngạch khi có tới 05 mặt hàng lần lượt được cấp phép nhập khẩu vào thị trường này. Tính đến hiện tại, Trung Quốc đã cho phép nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam được xuất khẩu theo đường chính ngạch bao gồm chanh leo, sầu riêng, chuối, tổ yến, khoai lang, thanh long, nhãn, chôm chôm, xoài, mít, dưa hấu, măng cụt, vải, chôm chôm, ớt, thạch đen, cám gạo và gạo.

Cụ thể, trong nửa cuối năm 2022, mặt hàng nông sản đầu tiên đón nhận tin vui từ thị trường Trung Quốc là chanh leo. Chanh leo của Việt Nam đã chính thức được xuất khẩu sang Trung Quốc qua 07 cửa khẩu từ ngày 01/07/2022. Để đạt được tiêu chuẩn xuất khẩu, ngoài việc tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch, chanh leo của Việt Nam phải được trồng và đóng gói tại các cơ sở được đăng ký, phê duyệt bởi Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) và Cục Bảo vệ thực vật. Ngoài ra, chanh leo phải được trồng theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt, có ghi chép và lưu trữ hồ sơ và được giám sát sinh vật gây hại, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo an toàn phòng dịch COVID-19... Bên cạnh đó, các lô hàng xuất khẩu phải có cán bộ kỹ thuật kiểm soát toàn bộ quy trình sản xuất, đóng gói. Ngày 27/11/2022, lô hàng chanh leo đầu tiên của Việt Nam đã chính thức được xuất khẩu qua Trung Quốc, với tổng khối lượng khoảng 18,4 tấn.

Cũng trong khoảng giữa năm 2022, sầu riêng Việt Nam là loại nông sản thứ hai chính thức được xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc theo Nghị định thư giữa hai bên được ký kết ngày 11/07/2022. Cụ thể, sầu riêng Việt Nam được cấp phép nhập khẩu qua tất cả cửa khẩu chính ngạch của Trung Quốc được GACC cho phép thông quan trái cây, với điều kiện phải đáp ứng đầy đủ các quy định của Nghị định thư về quản lý vùng trồng, đóng gói và chế biến, đồng thời đáp ứng được các tiêu chuẩn kiểm dịch khi nhập khẩu. Tính đến nay, GACC đã phê duyệt 51 mã vùng trồng cho





Việt Nam, với tổng diện tích khoảng 3.000 ha, tập trung chủ yếu ở khu vực Tây Nguyên. Ngày 19/09/2022, lô hàng đầu tiên gồm 20 container sầu riêng của Đắk Lắk đã được xuất khẩu theo đường chính ngạch sang Trung Quốc. Đây là dấu mốc quan trọng, khởi đầu cho việc xuất khẩu những lô hàng sầu riêng đạt chuẩn tiếp theo sang thị trường rộng lớn này.

Sau chanh leo và sầu riêng, chuối tươi là loại trái cây thứ ba nhận được “tấm giấy thông hành” vào thị trường Trung Quốc. Cụ thể, ngày 01/11/2022, Bộ NN&PTNT và GACC đã ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả chuối tươi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc. Theo đó, chuối tươi của Việt Nam nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch sẽ được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc kể từ ngày 08/11/2022. Cũng giống như các loại trái cây khác, chuối xuất khẩu của Việt Nam phải đáp ứng các quy định về quản lý vùng trồng, đóng gói và chế biến, kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu và nhập khẩu, tuân thủ các quy định tiêu chuẩn liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, chuối của Việt Nam cũng phải đáp ứng yêu cầu về thời gian thu hoạch (trong 10-16 tuần sau khi ra hoa), cũng như hình thức bên ngoài (không bị nứt vỏ) mới được xuất khẩu sang Trung Quốc. Chuối là mặt hàng trái cây xuất khẩu lớn thứ ba của Việt Nam năm 2021. Trong đó chuối Việt Nam chiếm 43% thị phần nhập khẩu của Trung Quốc và đang có dấu hiệu tăng trưởng tốt, với giá trị xuất khẩu tăng 28% trong 8 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ. Dự kiến Nghị định thư nói trên sẽ tạo điều kiện giúp chuối Việt Nam giành được nhiều thị phần hơn nữa tại thị trường Trung Quốc trong năm tới.



Giai đoạn cuối năm, ngày 16/11/2022, Nghị định thư xuất khẩu chính ngạch tổ yến Việt Nam cũng đã chính thức được ký kết, mở ra cơ hội lớn cho xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Trung Quốc. Theo Nghị định thư, tổ yến muốn xuất khẩu được sang Trung Quốc phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về quản lý cơ sở nuôi chim yến, chế biến tổ yến để bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm tổ yến xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo đúng quy định. Ngoài ra, tổ yến xuất khẩu cũng phải đáp ứng các yêu cầu về đóng gói, ghi nhãn cũng như các tiêu chuẩn về kiểm dịch động vật trước khi xuất khẩu và nhập khẩu. Trung Quốc là thị trường có sức tiêu thụ tổ yến lớn nhất thế giới, chiếm tới 80% thị trường toàn cầu. Do đó, việc cấp phép xuất khẩu chính ngạch tổ yến sang Trung Quốc sẽ mở ra nguồn cầu ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi trồng mặt hàng nhiều tiềm năng này tại Việt Nam.

Cuối tháng 11/2022, khoai lang là sản phẩm nông sản thứ năm của Việt Nam được phía Trung Quốc chính thức chấp thuận để xuất khẩu chính ngạch sang thị trường này. Cụ thể, ngày 23/11/2022, GACC ra thông báo về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với khoai lang nhập khẩu từ Việt Nam, theo đó, sản phẩm khoai lang tươi của Việt Nam đáp ứng yêu cầu sẽ chính



thức được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Sản phẩm khoai lang xuất khẩu phải được trồng trọt và chế biến tại cơ sở được thẩm định và phê duyệt bởi GACC, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý, giám sát bảo quản, đóng gói và vận chuyển trước khi xuất khẩu, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm dịch xuất nhập khẩu. Khoai lang là một trong những cây trồng ngắn ngày, dễ trồng trọt, mở rộng diện tích nên đã trở thành một trong những nông sản phổ biến nhất tại Việt Nam với trên 109.000 ha diện tích trồng năm 2021. Việc khoai lang được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc sẽ giúp định hình các vùng trồng trọt và tạo nhiều cơ hội phát triển ngành hàng này theo hướng xuất khẩu.

Như vậy, chỉ riêng trong nửa cuối năm 2022, có đến tổng cộng 5 loại nông sản của Việt Nam được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc, mở ra hy vọng cho nhiều loại nông sản khác tiếp cận thị trường rộng lớn này trong thời gian sắp tới.

Mỹ, New Zealand, Nhật Bản – Các thị trường tiềm năng đang hướng đến

Bên cạnh Trung Quốc, một số thị trường phát triển khác bao gồm Mỹ, New Zealand và Nhật Bản cũng đã chính thức cấp phép nhập khẩu cho nhiều mặt hàng trái cây của Việt Nam trong nửa cuối năm 2022, cho thấy tiềm năng phát triển rộng mở của nông sản xuất khẩu Việt Nam trong tương lai.

Cụ thể, sau nhiều năm đàm phán, ngày 4/10/2022, Bộ Nông nghiệp Mỹ đã ra thông báo chính thức cho phép nhập khẩu bưởi tươi của Việt Nam (tên thương mại là citrus maxima). Như vậy, bưởi đã trở thành loại trái cây thứ 7 của Việt Nam được phép xuất khẩu chính ngạch sang Mỹ sau xoài, nhãn, vải, thanh long, chôm chôm và vú sữa. Tuy nhiên, để được “đặt chân” tới thị trường lớn này, bưởi Việt Nam phải đáp ứng các quy định nghiêm ngặt do Mỹ ban hành. Cụ thể, vùng trồng và cơ sở xử lý quả bưởi tươi của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ phải được đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật và Cơ quan kiểm dịch động-thực vật Mỹ (APHIS). Các vùng trồng, cơ sở đóng gói bưởi phải có biện pháp quản lý phù hợp để loại bỏ dịch hại như các loại ruồi đục quả, nấm... Đến nay, Việt Nam đã có 16 mã số vùng trồng được cấp phép và 21 mã số vùng trồng khác đang được xem xét đạt tiêu chuẩn trồng bưởi xuất đi Mỹ. Bên cạnh đó, các lô hàng bưởi tươi xuất khẩu sang Mỹ phải được xử lý chiếu xạ với liều tối thiểu là 150 Gy, kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Ngày 28/11/2022, lô hàng bưởi đầu tiên của Việt Nam với hơn 100 tấn bưởi da xanh Bến Tre đóng gói trong 6 container đã chính thức được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, mở ra cơ hội cho bưởi Việt Nam tiếp cận và đạt lợi nhuận lớn tại thị trường khó tính bậc nhất thế giới này.

Bên cạnh Mỹ, New Zealand cũng là một thị trường phát triển đang mở cửa cho nông sản Việt Nam khi đồng thời cho phép hai loại trái cây là chanh





và bưởi tươi của Việt Nam được chính thức xuất khẩu sang thị trường này, sau xoài, thanh long và chôm chôm. Ngày 15/11, đại diện hai nước đã chính thức ký kết công bố xuất khẩu chanh và bưởi của Việt Nam sang New Zealand. Tuy nhiên, để được phép xuất khẩu sang New Zealand, chanh và bưởi của Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu như: vùng trồng và cơ sở đóng gói được đăng ký mã số với Cục Bảo vệ thực vật và Cục thông báo cho phía New Zealand; vườn trồng được quản lý dịch hại. Ngoài ra, trái cây phải được rửa và chần sau khi thu hoạch, không nhiễm đối tượng sinh vật gây hại phía New Zealand quan tâm. Trước khi xuất khẩu, trái cây phải được chiếu xạ và các lô hàng xuất khẩu phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật... Hiện tại, nhóm công tác của hai bên cũng đang tích cực đàm phán để tạo điều kiện cấp phép cho nhiều nông sản Việt Nam được tiếp cận thị trường New Zealand hơn.

Tiếp đó, ngày 23/11/2022, Bộ Nông – Lâm – Ngư nghiệp Nhật Bản chính thức công bố cấp phép nhập khẩu cho nhãn tươi Việt Nam, trở thành loại trái cây thứ 04 của nước ta được xuất khẩu sang thị trường này bên cạnh xoài, thanh long và vải thiều. Theo yêu cầu nhập khẩu của Nhật Bản, nhãn tươi Việt Nam phải được xử lý lạnh trong điều kiện 1,3 độ C và có thời gian bảo quản tối thiểu 13 ngày. Đây là lần đầu tiên Việt Nam sử dụng biện pháp xử lý lạnh với trái cây xuất khẩu. Ngoài ra, nhãn phải được quản lý chặt chẽ về vùng trồng khi xuất khẩu, được kiểm tra kỹ lưỡng bởi đoàn chuyên gia của Nhật Bản trực tiếp đến Việt Nam. Cụ thể, vùng trồng nhãn phải được cấp mã số, áp dụng các biện pháp quản lý sinh vật gây hại, hạn chế thấp nhất ruồi đục quả, sâu đục cuống hay sinh vật gây hại khác ở trên quả; có biện pháp giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên nhãn, có ghi chép nhật ký đồng ruộng, khuyến khích áp dụng GAP trong quá trình sản xuất... Bên cạnh đó, nhãn xuất khẩu cũng phải đáp ứng các yêu cầu về đóng gói, và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Bộ NN&PTNT cấp... Hiện nay, tổng diện tích trồng nhãn tại Việt Nam đang đạt khoảng 80.000 ha, là một trong những cây ăn quả có diện tích trồng lớn nhất cả nước. Cánh cửa Nhật Bản được mở rộng cho thấy tiềm năng phát triển xuất khẩu nông sản chủ chốt này của Việt Nam sang nhiều thị trường tiêu chuẩn cao khác trên thế giới.



Có thể thấy rằng, con đường xuất khẩu nông sản của Việt Nam đang ngày càng rộng mở với những "tấm vé thông hành" ra thị trường thế giới. Hiện tại, Việt Nam vẫn đang nỗ lực không ngừng trong việc đàm phán xuất khẩu nông sản với nhiều đối tác thương mại khác nhau trên thế giới. Tuy nhiên, trên chặng đường chinh phục thị trường xuất khẩu của nông sản Việt, chỉ nỗ lực của các cơ quan chức năng không thôi là chưa đủ, cần có sự cố gắng, phối hợp từ phía doanh nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp, hợp tác xã có thể chủ động trong việc tìm hiểu thị trường và xây dựng vùng chuyên canh trồng sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng cao, đảm bảo tận dụng được tối đa cơ hội gia nhập những thị trường khó tính trên thế giới mà chúng ta đã vất vả đạt được. ■



CÁC “TIÊU CHUẨN XANH” CỦA EU VÀ TÁC ĐỘNG TỚI XUẤT KHẨU VIỆT NAM

Liên minh châu Âu (EU) là một trong những đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với cơ cấu hàng hóa bổ sung lẫn nhau, cùng những lợi thế Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) mang lại, hàng hóa từ Việt Nam sang EU luôn giữ tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và đạt mức tăng trưởng ấn tượng qua các năm. Năm 2022, xuất khẩu Việt Nam sang EU đạt 47,1 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, những lợi thế và kết quả này sẽ có thể phần nào bị ảnh hưởng khi EU đang áp dụng ngày càng phổ biến các tiêu chuẩn cao đối với hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt là các “tiêu chuẩn xanh” đang được tập trung triển khai.

Các “tiêu chuẩn xanh” của EU

Ngày 13/12/2022, các quốc gia thành viên EU đã thông báo sẽ thực hiện Cơ chế điều chỉnh carbon qua biên giới (CBAM), là một phần thuộc Thỏa thuận Xanh châu Âu (European Green Deal - EGD) được EU khởi động từ năm 2019 nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến khí hậu và môi trường. Theo đó, EU dự kiến sẽ đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này dựa trên cường độ phát thải khí nhà kính trong quy trình sản xuất tại nước sở tại. CBAM ban đầu sẽ áp dụng đối với các hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ ô nhiễm cao như thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro và có khả năng mở rộng ra cả hóa chất hữu cơ, nhựa và ammonia. Đây là những lĩnh vực chiếm tới 94% lượng khí thải công nghiệp của EU. Các nhà nhập khẩu sẽ phải báo cáo lượng khí thải có trong hàng hóa nhập khẩu, nếu lượng khí thải này vượt quá tiêu chuẩn của EU, họ sẽ phải mua "chứng chỉ khí thải" theo mức giá carbon hiện nay tại EU. Dự kiến, 27 quốc gia thành viên EU sẽ bắt đầu thực hiện thí điểm CBAM vào tháng 10/2023.

Thỏa thuận Xanh châu Âu là chiến lược tăng trưởng mới của EU nhằm xây dựng một xã hội công bằng và thịnh vượng, với một nền kinh tế hiện đại, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả và cạnh tranh, đặt mục tiêu không phát thải ròng khí nhà kính vào năm 2050 và tăng trưởng kinh tế mà không phụ thuộc vào việc sử dụng tài





nguyên. Thỏa thuận Xanh cũng nhằm mục đích bảo vệ, bảo tồn và nâng cao nguồn vốn tự nhiên của EU, đồng thời bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc của công dân khỏi những rủi ro và tác động liên quan đến môi trường. Theo lộ trình thực hiện Thỏa thuận, vào tháng 7/2021, EU đã trình đề xuất về quy định thiết lập Cơ chế CBAM như một trong những sáng kiến nhằm thúc đẩy việc giảm phát thải khí nhà kính và đạt trung hòa carbon vào năm 2050. Mục tiêu của CBAM là giải quyết nguy cơ rò rỉ carbon gây ra do những chính sách khí hậu thiếu chặt chẽ của các quốc gia không thuộc EU, đồng thời bổ trợ cho Cơ chế trao đổi hạn ngạch phát thải của EU (EU-ETS). Các chứng chỉ CBAM sẽ được cấp cho các nhà nhập khẩu dựa trên cường độ phát thải tích hợp trong sản phẩm mà họ nhập khẩu vào EU và có giá bằng hạn ngạch ETS.

Bên cạnh Thỏa thuận Xanh châu Âu, một vấn đề mà các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU, đặc biệt là xuất khẩu hàng nông sản cũng cần lưu tâm là Chính sách từ nông trại đến bàn ăn (Farm to Fork - F2F) của khu vực này. Nội dung chính của F2F bao gồm 5 mục tiêu chính cần đạt được vào năm 2030, cụ thể là (i) Giảm 50% việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học (chemical pesticides); (ii) Giảm thất thoát chất dinh dưỡng ít nhất là 50%; (iii) Giảm việc sử dụng phân bón ít nhất là 20%; (iv) Giảm 50% doanh số thuốc kháng sinh bán cho các trang trại; (v) Có 25% tổng diện tích đất nông nghiệp được chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ. Để đảm bảo công bằng, châu Âu sẽ tiến đến yêu cầu các nước khác áp dụng tiêu chuẩn tương tự nếu không sẽ đánh thuế môi trường.

Tác động tới doanh nghiệp Việt Nam

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam có định hướng xuất khẩu, nguy cơ hiện hữu ngay trước mắt là khó khăn trong xuất khẩu vào thị trường EU nếu không đáp ứng được các tiêu chuẩn xanh đang ngày càng được nâng cao. Đây không chỉ là thách thức đối với những doanh nghiệp chưa từng xuất khẩu sang EU mà cũng là thách thức với cả những doanh nghiệp từng có kinh nghiệm tại thị trường này, bởi vì các tiêu chuẩn vốn đã quen thuộc đang thay đổi, bổ sung theo hướng yêu cầu cao hơn. Trong bối cảnh thị trường sản phẩm có chứng nhận đang ngày càng phát triển, các đơn hàng yêu cầu tiêu chuẩn cao ngày càng nhiều, doanh nghiệp Việt Nam có thể chủ động tìm hiểu thông tin, cải thiện quy trình sản xuất để nhanh chóng đáp ứng được xu hướng tiêu chuẩn xanh này, đạt được lợi thế cạnh tranh trước các doanh nghiệp đến từ những quốc gia xuất khẩu khác.

Nhìn chung, vào thời điểm hiện tại, hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về các tiêu chuẩn xanh của EU vẫn còn khá hạn chế. Theo một khảo sát của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (Ban IV, thuộc Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) năm 2022, tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát nắm rõ nội dung về cơ chế CBAM chỉ đạt khoảng 11%, và có tới 53% doanh nghiệp không biết về nội dung này, còn khoảng 36% doanh nghiệp có nghe nhưng không nắm rõ. Trong khi các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp có trụ sở tại châu Âu, Mỹ rất chủ động trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn cao này, thì nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, vẫn còn tâm lý e ngại, hoặc chưa đủ nguồn lực để tiến hành chuyển đổi sang sản xuất xanh, vốn là một quá trình đòi hỏi nguồn tài chính lớn và áp dụng nhiều công nghệ cao.



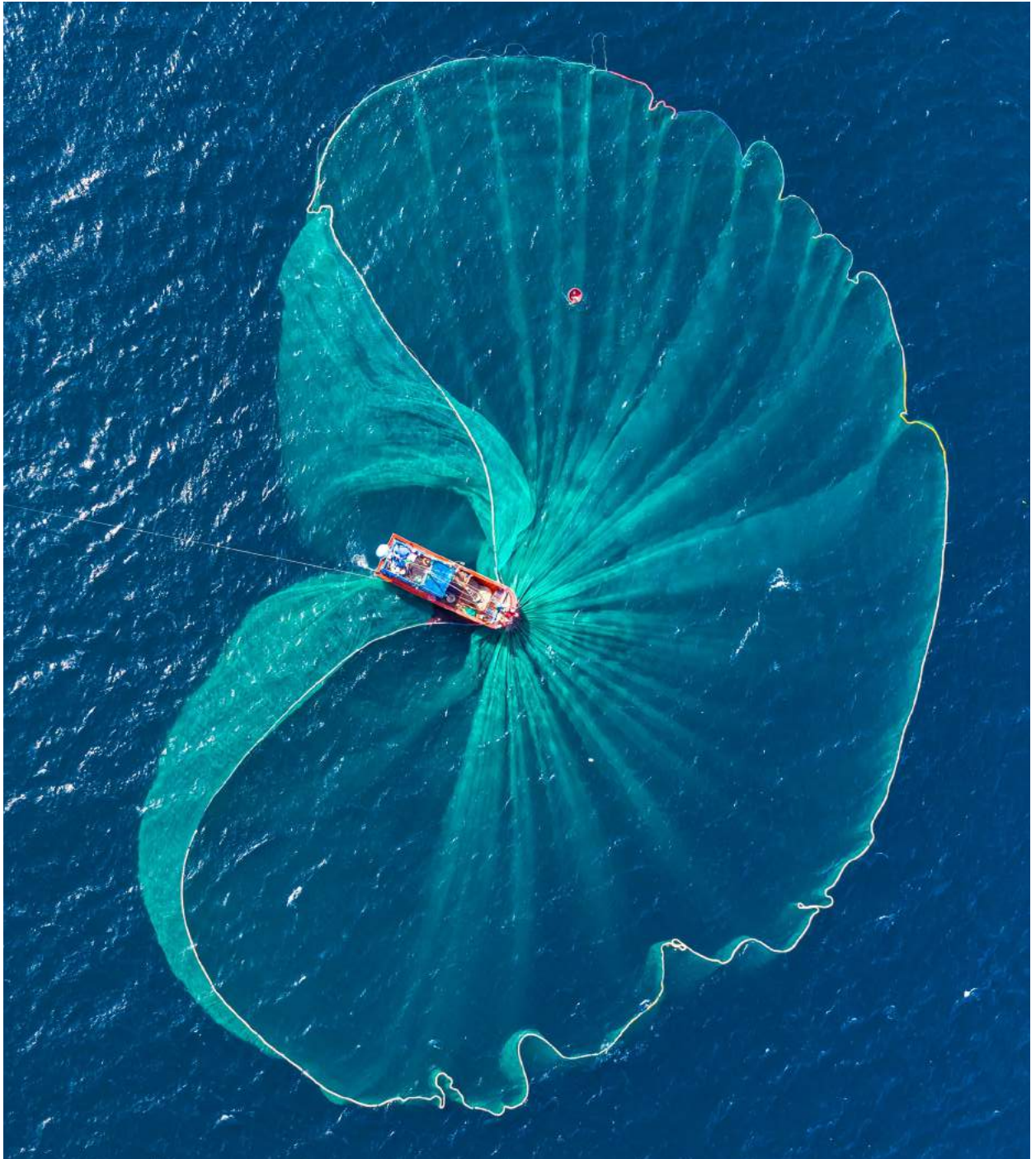
Mặc dù tiềm ẩn nhiều thách thức, nhưng nếu tận dụng thành công cơ hội xuất khẩu xanh sang EU, lợi ích Việt Nam có thể nhận được cũng là khá đáng kể. Thương mại đối với công nghệ xanh và các sản phẩm bền vững đã và đang trở thành xu hướng phổ biến ở nhiều quốc gia. Xuất khẩu xanh hay chính xác hơn là việc xuất khẩu các sản phẩm có dấu chân carbon thấp hoặc sản phẩm môi trường là con đường đầy hứa hẹn cho các quốc gia mong muốn tách rời tăng trưởng kinh tế khỏi nạn suy thoái môi trường. Điều này phù hợp với định hướng của Việt Nam về thay đổi mô hình tăng trưởng tương lai từ phương thức sản xuất dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên sang mô hình tiêu dùng xanh, sống xanh và phát triển bền vững. Kinh tế xanh là một trong những định hướng phát triển kinh tế chính trong tương lai của Việt Nam, do đó doanh nghiệp sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ từ Nhà nước và các hiệp hội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, và các đơn vị khác liên quan trong hành trình “xanh hóa” hoạt động sản xuất và xuất khẩu.

Từ phía đối tác EU, trong ngắn hạn, nhà nhập khẩu của khu vực này cần chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sản phẩm vào thị trường châu Âu tuân thủ các nguyên tắc của EGD. Trong dài hạn, EU đang thiết lập các chương trình hỗ trợ, đặc biệt là cho đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ, để chuyển đổi sang việc tuân thủ các quy định mới trong EGD thông qua việc triển khai các công cụ và cơ chế tốt hơn để cung cấp thông tin sản phẩm, cải thiện các hoạt động chế biến, sản xuất một cách hài hoà, chẳng hạn như hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có thể tìm kiếm được sự hỗ trợ từ phía các doanh nghiệp và các tổ chức, chương trình từ EU trong quá trình chuyển đổi sang chế biến và sản xuất hàng hoá bền vững hơn.

Trên toàn cầu nói chung và nhất là ở châu Âu nói riêng, trào lưu tiêu dùng xanh đã trở thành một xu hướng lớn mạnh chứ không chỉ giới hạn trong một vài thị trường ngách nhỏ nữa. Nếu như trước đây các tiêu chuẩn xanh, bền vững thường chỉ được nhìn thấy ở các phân khúc cao cấp thì hiện nay đã trở thành các yêu cầu phổ biến trên mọi phân khúc, mọi thị trường. Bởi vậy, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh không chỉ là tấm vé thông hành cho hàng hóa Việt Nam gia nhập thị trường EU mà còn có thể góp phần gia tăng uy tín của doanh nghiệp Việt Nam trong con mắt các đối tác và cộng đồng người tiêu dùng quốc tế, giúp doanh nghiệp có thêm đơn hàng trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt hiện nay. ■



**TỔNG HỢP DIỄN TIẾN CÁC VỤ ĐIỀU TRA ÁP DỤNG
BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
(CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỞ CẤP VÀ TỰ VỆ)
LIÊN QUAN TỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU VIỆT NAM
TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**





Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2022

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
1	Sợi dài làm từ Polyester	AD10	Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc	Ngày 30/12/2022, Quyết định 2954/QĐ-BCT về tiến hành rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG (AR01.AD10)
2	Sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen (BOPP)	AD07	Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc	<p>Ngày 14/11/2022, Quyết định 2400/QĐ-BCT về rà soát nhà xuất khẩu mới (NR01.AD07)</p> <p>Ngày 15/07/2022, Quyết định 1403/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG (AR01.AD07)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Malaysia: 18,87% - 23,42% - Thái Lan: 17,30% - 20,35% - Trung Quốc: 9,45% - 23,71%
3	Phôi thép và thép dài	SG04	Toàn cầu	Ngày 04/11/2022, Quyết định 2323/QĐ-BCT về rà soát cuối kỳ áp dụng biện pháp tự vệ (ER02.SG04: rà soát lần thứ 2)
4	Sản phẩm bàn, ghế	AD16	Malaysia, Trung Quốc	<p>Ngày 30/09/2022, Quyết định 1991/QĐ-BCT về áp dụng biện pháp CBPG tạm thời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Malaysia: Không áp thuế CBPG tạm thời do tỷ lệ nhập khẩu không đáng kể (dưới 3%) - Trung Quốc: + Sản phẩm bàn: 35,20% + Sản phẩm ghế: 21,40%
5	Phân bón DAP, MAP	SG06	Toàn cầu	Ngày 14/09/2022, Quyết định 1845/QĐ-BCT về việc không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ sau rà soát cuối kỳ lần thứ 2 (ER02.SG06)
6	Thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn	AD04	Hàn Quốc Trung Quốc	Ngày 31/08/2022, Quyết định 1758/QĐ-BCT về tiến hành rà soát nhà xuất khẩu mới (NR02.AD04)
7	Đường mía	AD13-AS01	Thái Lan	Ngày 31/08/2022, Quyết định 1757/QĐ-BCT về tiến hành rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG và CTC (AR01.AD13-AS01)
8	Thép hình chữ H	ER01.AD03	Trung Quốc	Ngày 19/08/2022, Quyết định 1640/QĐ-BCT tiếp tục áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ, mức thuế CBPG: 22,09% đến 33,51%

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
9	Sản phẩm vật liệu hàn	AD15	Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc	<p>Ngày 15/08/2022, Quyết định 1624/QĐ-BCT về việc áp dụng thuế CBPG chính thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Que hàn inox 308 có bọc thuốc: <ul style="list-style-type: none"> - Malaysia: 0% - 12,78% - Thái Lan: 36,11% - Trung Quốc: 11,43% • Dây hàn thép đặc không lõi thuốc: <ul style="list-style-type: none"> - Malaysia: 14,11% - 34,37% - Thái Lan: Không áp thuế do tỷ lệ nhập khẩu không đáng kể - Trung Quốc: 22,77% - 36,56%
10	Đường mía	AC02.AD13-AS01	Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar	<p>Ngày 01/08/2022, Quyết định 1514/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức thuế CBPG: 42,99% - Mức thuế CTC: 4,65%



Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2022

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Malaysia	Thép cuộn cán nguội/thép không hợp kim có chiều rộng lớn hơn 1300mm (Cold rolled coils of iron or non-alloy steel, of width more than 1300mm)	Việt Nam, Hàn Quốc	28/12/2022	Tiến hành rà soát thuế chống bán phá giá
2	Malaysia	Thép cuộn cán nguội hợp kim/ không hợp kim có độ dày từ 0,2 đến 2,6mm và chiều rộng từ 700mm đến 1300mm (Cold rolled coils of alloy and non-alloy steel of a thickness between 0.20 millimetres to 2.60 millimetres and width between 700 millimetres to 1,300 millimetres)	Việt Nam, Hàn Quốc	28/12/2022	Tiến hành rà soát thuế chống bán phá giá
3	Hoa Kỳ	Dây thép không gỉ (Stainless Steel Wire Rod)	Việt Nam	16/12/2022	Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) ban hành kết luận sơ bộ, theo đó sản phẩm dây thép không gỉ của Việt Nam không lẫn tránh thuế CBPG mà Hoa Kỳ đang áp dụng với Hàn Quốc
4	Hoa Kỳ	Pin năng lượng mặt trời (Crystalline silicon photovoltaic cells and modules - CSPV)	Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Campuchia	8/12/2022	USDOC ban hành kết luận sơ bộ, quyết định áp thuế chống lẫn tránh tạm thời đối với sản phẩm của Việt Nam nếu sử dụng bộ phận, phụ kiện của Trung Quốc - Mức thuế CBPG: 238,95% - Mức thuế CTC: 15,24%
5	Hoa Kỳ	Tủ đựng dụng cụ (Tool Chest and Cabinets)	Việt Nam, Trung Quốc	01/12/2022	Tiến hành rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá (rà soát cuối kỳ lần 1)
6	Ấn Độ	Pin năng lượng mặt trời (Solar Cells)	Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan	9/11/2022	Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) ban hành quyết định chấm dứt điều tra CBPG

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
7	Philippines	Xi măng (Cement)	Toàn cầu	24/10/2022	Bộ Công Thương Philippines (DTI) quyết định không gia hạn biện pháp tự vệ sau rà soát
8	Philippines	Hạt nhựa HDPE (High-Density Polyethylene – HDPE)	Toàn cầu	30/09/2022	Bộ Công Thương Philippines (DTI) quyết định không áp thuế tự vệ đối với Việt Nam
9	Hoa Kỳ	Tấm thép cuộn không gỉ (Stainless Steel Sheet and Strip-SSSS)	Việt Nam	15/09/2022	USDOC ban hành kết luận sơ bộ, quyết định áp thuế chống lẩn tránh tạm thời đối với sản phẩm của Việt Nam nếu sử dụng một số đầu vào là thép không gỉ cán phẳng có nguồn gốc từ Trung Quốc - Mức thuế CBPG: 58,04% - Mức thuế CTC: 75,6%
10	Mexico	Thép mạ (Coated flat steels)	Việt Nam	14/09/2022	Kết luận sơ bộ, quyết định áp thuế CBPG tạm thời với mức thuế từ 0% - 12,34%
11	Thái Lan	Ống thép không gỉ (Stainless Pipe and Tube)	Việt Nam, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan	14/09/2022	Tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát
12	Canada	Ống thép dẫn dầu (Oil country tubular goods - OCTG)	Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Đài Loan	6/9/2022	Cơ quan Biên phòng Canada (CBSA) ban hành kết luận cuối cùng sau rà soát thuế CBPG, giữ nguyên mức thuế với sản phẩm của Việt Nam là 37,4%
13	Hoa Kỳ	Gỗ dán (Hardwood Plywood Products)	Việt Nam	25/07/2022	USDOC ban hành kết luận sơ bộ, quyết định áp thuế chống lẩn tránh tạm thời với sản phẩm từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc - Mức thuế CBPG: 183,36% - Mức thuế CTC: 22,98% đến 194,90%



Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng cuối năm 2022

STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Hoa Kỳ	Ghim dập bằng thép (<i>Collated Steel Staples</i>)	Điều tra lẩn tránh thuế CBPG và CTC, từ vụ việc gốc đối với sản phẩm Trung Quốc	Việt Nam, Thái Lan	21/12/2022
2	Hoa Kỳ	Bìa kẹp hồ sơ (<i>Paper File Folders</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc và Ấn Độ	2/11/2022
3	Ma-rốc	Săm lốp xe đạp, xe gắn máy và mô tô (<i>Inner tubes for bicycles, velocipedes, motorcycles and scooters</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	17/10/2022
4	Ấn Độ	Sản phẩm nhựa PVC (<i>PVC Suspension Resins</i>)	Tự vệ	Toàn cầu	16/09/2022
5	Hoa Kỳ	Một số sản phẩm ống thép (<i>Steel Pipe</i>)	Điều tra lẩn tránh thuế CBPG và CTC, từ vụ việc gốc đối với sản phẩm Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan	Việt Nam	28/07/2022
6	Mexico	Thép cán nguội (<i>Cold-rolled steel</i>)	Chống bán phá giá	Việt Nam	28/07/2022

TIN THẾ GIỚI





XUNG ĐỘT NGA – UKRAINE VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Xung đột quân sự Nga - Ukraine được khởi đầu từ cuối tháng 2/2022 và cho đến nay vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Không đơn thuần chỉ là mâu thuẫn giữa hai quốc gia, xung đột này đã kéo theo nhiều đòn trừng phạt và trả đũa kinh tế giữa Nga và các quốc gia phương Tây, làm ảnh hưởng trực tiếp đến những quốc gia liên quan và gián tiếp tạo nên những thay đổi đối với nền kinh tế toàn cầu. Trong đó, hai lĩnh vực được đánh giá phải chịu tác động lớn nhất là năng lượng và lương thực.

Dịch chuyển dòng chảy năng lượng thế giới

Các lệnh trừng phạt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu giữa Nga và EU, đặc biệt đối với các mặt hàng năng lượng. Mới đây, quyết định áp giá trần với dầu thô nhập khẩu của Nga vận chuyển bằng đường biển đã được toàn bộ 27 nước thành viên châu Âu phê chuẩn, có hiệu lực từ ngày 5/12/2022. Điểm mấu chốt trong quyết định này là tận dụng vị thế thống trị của châu Âu trong ngành bảo hiểm hàng hải, tài chính và vận chuyển dầu để kiểm soát phương thức bán dầu thô của Nga trên khắp thế giới. Các công ty châu Âu không được phép cung cấp những dịch vụ này trừ khi dầu được bán dưới 60 USD/thùng. Mục tiêu là duy trì nguồn cung dầu Nga trên thị trường toàn cầu, nhưng đồng thời cũng hạn chế doanh thu từ năng lượng của Điện Kremlin. Trước đó một ngày, Australia và các nước G7 cũng đã đồng thuận áp giá trần 60 USD/thùng với dầu thô Nga vận chuyển bằng đường biển.

Ngay sau đó, người phát ngôn Tổng thống Nga cho biết Moskva không chấp nhận việc G7 và EU áp giá trần với dầu thô của Nga, đồng thời cảnh báo Nga sẽ đưa ra biện pháp đáp trả. Trong một phát biểu ngày 9/12 tại hội nghị thượng đỉnh Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU), Tổng thống Nga đã tuyên bố nước này có thể giảm sản lượng dầu nếu cần thiết. Sau lệnh áp giá trần đối với dầu thô của EU, Nga đã thúc đẩy việc chuyển hướng xuất khẩu dầu thô sang Châu Á. Theo Bloomberg, trước khi xung đột Nga – Ukraine bùng phát, lượng xuất khẩu dầu thô sang châu Á theo đường biển của Nga chỉ đạt khoảng 2/5 tổng xuất khẩu. Nhưng đến hiện tại, tỷ lệ này đã lên tới 2/3, với khoảng hơn 3 triệu thùng dầu từ Nga được chuyển đến khu vực châu Á mỗi ngày, chủ yếu là tới Ấn Độ và Trung Quốc.

Ở chiều ngược lại, đồng thời với việc ban hành các biện pháp trừng phạt, châu Âu cũng nỗ lực giảm dần sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu từ Nga và tìm kiếm các nguồn cung khác thay thế. Theo đó, Mỹ đã tận dụng cơ hội trở thành một trong những nhà cung cấp khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) lớn nhất cho khu vực này. Hiện tại, Mỹ đang cung cấp khoảng 15% nhu cầu khí đốt của châu Âu, và dự kiến hai bên sẽ hợp tác để tăng con số này lên hơn 20% trong thời gian tới.



Nỗ lực nối lại nguồn cung lương thực thông qua “Sáng kiến ngũ cốc Biển Đen”

Lương thực là một trong những ngành hàng bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi xung đột Nga - Ukraine. Ukraine được biết đến là quốc gia chiếm đến 15% sản lượng ngô, 10% sản lượng lúa mì và sản xuất khoảng một nửa lượng dầu hướng dương trên thế giới. Thế nhưng xuất khẩu nông sản của nước này đã bị đình trệ kể từ khi xung đột nổ ra và các cảng biển bị phong tỏa. Điều này khiến giá nhiều mặt hàng lương thực thiết yếu tăng vọt do nguồn cung khan hiếm. Để ứng phó với tình hình này, nhiều quốc gia đã đưa ra các biện pháp hạn chế xuất khẩu nhằm bảo vệ an ninh lương thực nội địa, khiến các quốc gia nghèo khó tiếp cận lương thực, và tạo nhiều thách thức cho an ninh lương thực thế giới.

Trước tình cảnh đó, ngày 22/7/2022, Nga và Ukraine đã ký riêng với Thổ Nhĩ Kỳ và Liên hợp quốc “Sáng kiến ngũ cốc Biển Đen”, được coi như một nỗ lực chung để giải quyết tình hình lương thực đang ngày càng nghiêm trọng. Đây là thỏa thuận tạo điều kiện xuất khẩu lương thực Ukraine qua đường Biển Đen, và chỉ có hiệu lực trong vòng 120 ngày. Theo đó, Nga sẽ dỡ bỏ phong tỏa với các tàu ngũ cốc Ukraine từ các cảng Odessa, Yuzhne và Chornomorsk ven biển Đen tới eo biển Bosphorus ở Thổ Nhĩ Kỳ, lấy đó làm điểm trung chuyển để xuất khẩu ra thế giới. Ngày 01/8/2022, chuyến tàu đầu tiên chở ngũ cốc của Ukraine theo thỏa thuận đã rời cảng Odessa. Một trung tâm chỉ huy liên hợp gồm đại diện của Nga, Ukraine, Thổ Nhĩ Kỳ và Liên hợp quốc đóng tại Istanbul sẽ chịu trách nhiệm giám sát hành trình của các chuyến tàu này. Kể từ khi thỏa thuận được ký kết, hơn 490 tàu chở 11,8 triệu tấn ngũ cốc và các sản phẩm thực phẩm khác đã được chở tới điểm đến trên khắp thế giới, bao gồm nhiều quốc gia nghèo đang gặp vấn đề về khủng hoảng lương thực.

Tuy nhiên, việc thực thi thỏa thuận trong bối cảnh xung đột quân sự là không hề dễ dàng. Chỉ một ngày sau khi ký kết thỏa thuận lương thực, Nga đã triển khai tấn công vào cảng Odessa, một trong những điểm thương mại lớn của Ukraina. Tuy chỉ có thiệt hại về cơ sở quân sự, Ukraine đã lên án vụ tấn công này, cho rằng đây là dấu hiệu cho thấy Moscow không đáng tin cậy trong việc thực hiện thỏa thuận. Phản bác lại, Nga bày tỏ nghi ngờ rằng các chuyến hàng lương thực có vẻ “không được đưa đến những nơi cần đến”. Cuối cùng, ngày 29/10/2022, Bộ Quốc phòng Nga đã thông báo quyết định ngừng tham gia thực thi thỏa thuận do các xung đột quân sự. Hệ quả là giá lúa mì và ngô đã ngay lập tức tăng mạnh, lần lượt là 6% và 2,2% theo Reuters.

Ủy ban Cứu trợ Quốc tế (IRC) cho biết việc Nga rút khỏi thỏa thuận lương thực là tin xấu đối với an ninh lương thực thế giới, trong bối cảnh một số nước nghèo đang phải trải qua nạn đói trong nhiều tháng. Các bên trung gian bao gồm Liên hợp quốc và Thổ Nhĩ Kỳ đã nỗ lực liên hệ đàm phán với Nga và Ukraine để tìm ra phương án nối lại thỏa thuận này. Sau đó, vào ngày 02/11/2022, Nga đã đồng ý quay trở lại “Sáng kiến ngũ cốc Biển Đen” với điều kiện Ukraine phải đảm bảo phi quân sự hóa hành lang biển phục vụ hoạt động vận chuyển ngũ cốc, bao gồm phạm vi các hành lang nhân đạo phục vụ cho việc sơ tán dân thường, nhận cứu trợ và các cảng đã được thống nhất dành cho việc xuất khẩu nông sản.

Ngoài ra, ngày 26/11/2022, Ukraine và các quốc gia đồng minh đã đưa ra sáng kiến xuất khẩu ngũ cốc trị giá 150 triệu USD sang Ethiopia, Sudan, Nam Sudan, Somalia, Congo, Kenya và Yemen. Sáng kiến được đề xuất trong bối cảnh hàng triệu người tại 3 nước Ethiopia, Somalia và Kenya đang đối mặt với nạn đói do hạn hán kéo dài 05 mùa liên tiếp, trong khi xung đột tại Ethiopia và Somalia khiến cuộc khủng hoảng lương thực tại khu vực này càng trở nên trầm trọng. Ngày 5/12, chuyến tàu đầu tiên chở 25.000 tấn ngũ cốc của Ukraine đã cập cảng Djibouti tại Ethiopia để hỗ trợ lương thực cho quốc gia này.

Có thể nói, xung đột bất ngờ giữa Nga và Ukraine là một trong những thách thức lớn nhất của nền kinh tế thế giới trong năm 2022 vốn đã chịu nhiều thiệt hại và đang nỗ lực phục hồi sau đại dịch. Cho đến hiện tại, vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy xung đột sẽ chấm dứt trong tương lai gần, do đó dự kiến sẽ còn tiếp tục đem lại nhiều ảnh hưởng nặng nề tới kinh tế Nga, Ukraine và phương Tây nói riêng, cũng như thế giới nói chung trong năm 2023. ■





DIỄN BIẾN CÁC ĐIỂM NÓNG CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI NĂM 2022

MỸ - TRUNG

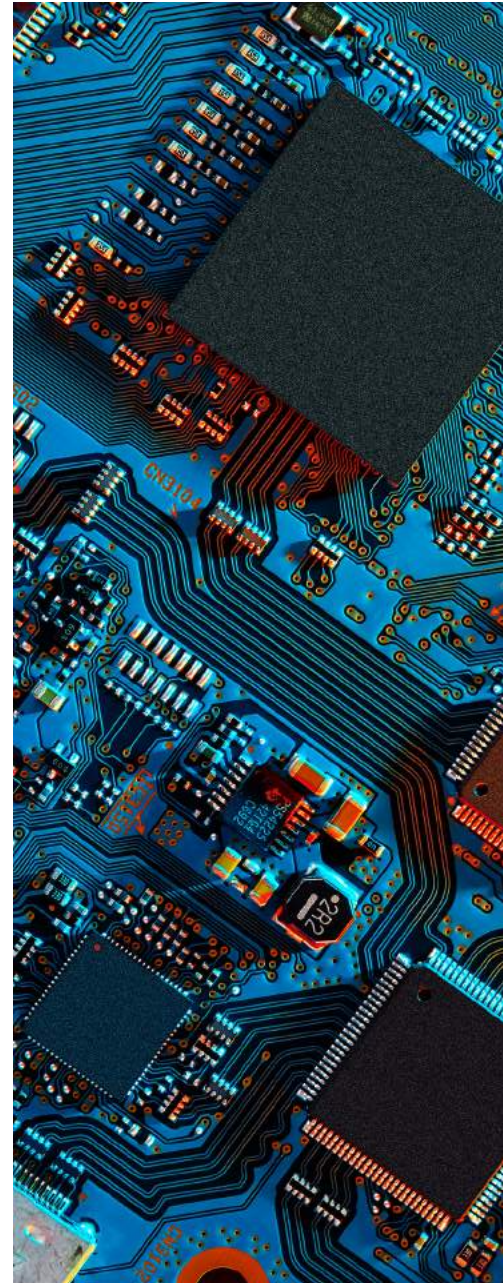
Căng thẳng cuộc chiến chip

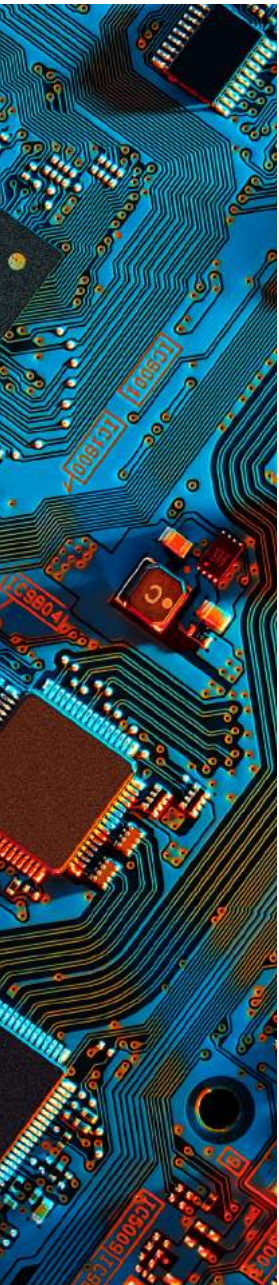
Cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế hàng đầu thế giới là Mỹ và Trung Quốc bắt nguồn từ năm 2018 tới nay vẫn luôn là tâm điểm chú ý trong hoạt động thương mại toàn cầu. Sau những động thái dỡ bỏ thuế quan của Mỹ đối với hàng hóa Trung Quốc giúp xoa dịu phần nào căng thẳng trong những tháng đầu năm, tới nửa cuối năm, một cuộc chiến mới giữa hai cường quốc dường như lại xuất hiện trên "mặt trận" chip bán dẫn.

Ngày 27/7/2022, Thượng viện và Hạ viện Mỹ đã thông qua Đạo luật Chip và Khoa học (Chips and Science Act) sau hơn hai năm thảo luận và sửa đổi với khoản trợ cấp ban đầu cho doanh nghiệp ngành chip trị giá hơn 50 tỷ USD. Ngày 9/8, Tổng thống Joe Biden đã ký ban hành đạo luật này với mục tiêu hỗ trợ cho ngành sản xuất nội địa về sản xuất chất bán dẫn, một trong những nguyên liệu quan trọng được sử dụng trong các sản phẩm điện tử, từ ô tô và vũ khí công nghệ cao đến các thiết bị công nghệ và trò chơi điện tử. Ngoài ra, Đạo luật cũng sẽ đầu tư khoảng 200 tỷ USD trong vòng 10 năm để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của Mỹ nhằm cạnh tranh tốt hơn với Trung Quốc. Đạo luật là nỗ lực của chính quyền Biden trong tham vọng thúc đẩy tự chủ công nghệ và sản xuất bán dẫn tại Mỹ, đồng thời phát triển lực lượng lao động có chuyên môn về chất bán dẫn để mang lại lợi thế cạnh tranh cho Mỹ trên thế giới.

Phản ứng lại, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Uông Văn Bân đã chỉ trích Đạo luật Chip và Khoa học là một chính sách "ép buộc kinh tế" của Mỹ. Trung Quốc cho rằng Đạo luật này mang tính phân biệt đối xử và gây tổn hại tới một số công ty nước ngoài, vi phạm cam kết của WTO về chống trợ cấp. Phòng Thương mại quốc tế Trung Quốc cũng cho rằng đạo luật mới này của Mỹ sẽ làm ngành công nghiệp bán dẫn bị tác động bởi cạnh tranh địa chính trị, cản trở sự phát triển công nghệ và nỗ lực hồi phục kinh tế thế giới sau đại dịch.

Căng thẳng hai bên càng lên cao khi vào ngày 07/10/2022, Bộ Thương mại Mỹ đã ban hành quy định về kiểm soát xuất khẩu chip và thiết bị bán dẫn sang Trung Quốc. Theo đó, Mỹ yêu cầu doanh nghiệp tại nước này và các công ty nước ngoài sử dụng công nghệ Mỹ dừng các chuyển hàng sản phẩm bán dẫn, máy móc cung cấp cho đối tác là nhà máy sản xuất và doanh nghiệp thiết kế chip của Trung Quốc. Không chỉ vậy, Mỹ còn tiến hành đàm phán thúc đẩy các nước đồng minh cùng tham gia áp đặt hạn chế xuất khẩu sản phẩm ngành chip sang Trung Quốc. Theo yêu cầu từ phía Washington, Tokyo đã bắt đầu thảo luận nội bộ về vấn đề này,





đồng thời quan sát phản ứng từ phía các đồng minh khác của Mỹ như Liên minh châu Âu (EU) và Hàn Quốc. Mặc dù Chính phủ các nước đồng minh chưa có động thái nào rõ ràng nhưng một số nhà sản xuất đã có những kế hoạch chuẩn bị riêng. Cuối tháng 10/2022, TSMC, nhà sản xuất chất bán dẫn lớn nhất thế giới tại Đài Loan (Trung Quốc), đã ngừng cung cấp chip silicon tiên tiến cho công ty Biren Technology của Trung Quốc. Tại Nhật Bản, nhiều doanh nghiệp cung cấp thiết bị sản xuất bán dẫn hiện cũng đang đánh giá mức độ ảnh hưởng từ các quy định mới, đồng thời tỏ ra thận trọng hơn đối với kế hoạch kinh doanh tại Trung Quốc. Hiện tại, Mỹ và các đồng minh lớn đang chiếm thị phần cao trong thị trường bán dẫn toàn cầu, cụ thể Mỹ 12%, Nhật Bản 15%, Đài Loan 20% và Hàn Quốc 20%.

Trước những biện pháp siết chặt của Mỹ, đại diện phía Trung Quốc tuyên bố với chính sách này, Mỹ đã vi phạm nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng; tác động đến sự ổn định của chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu cũng như sự phục hồi của nền kinh tế thế giới. Theo Reuters, Bắc Kinh đang có kế hoạch đáp trả bằng việc triển khai một trong những gói hỗ trợ tài chính lớn nhất trong 05 năm tới, chủ yếu dưới dạng trợ cấp và tín dụng thuế để thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu và sản xuất chip bán dẫn trong nước, dự kiến bắt đầu từ 2023. Trong đó, phần lớn khoản hỗ trợ tài chính sẽ được sử dụng cho hoạt động mua thiết bị bán dẫn trong nước, với khoản trợ cấp lên tới 20% chi phí mua hàng. Với gói trợ cấp này, Bắc Kinh sẽ tăng cường hỗ trợ các công ty Trung Quốc trong việc xây dựng, mở rộng hoặc hiện đại hóa các cơ sở chế tạo, lắp ráp, đóng gói cũng như nghiên cứu và phát triển sản phẩm chip. Kế hoạch mới nhất của Bắc Kinh cũng bao gồm các chính sách thuế ưu đãi cho ngành công nghiệp bán dẫn nội địa.

Thêm vào đó, ngày 13/12/2022, Bộ Thương mại Trung Quốc tuyên bố đã nộp đơn lên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) phản đối các biện pháp kiểm soát xuất khẩu chip của Mỹ. Theo quy định giải quyết tranh chấp của WTO, sau khi nộp đơn kiện, Trung Quốc sẽ đề nghị tham vấn với phía Mỹ để tạo điều kiện cho hai bên có thể giải quyết vấn đề thông qua đàm phán. Tuy nhiên, Mỹ vẫn chưa có dấu hiệu nào nhượng bộ khi vào ngày 15/12, nước này đã bổ sung thêm nhà sản xuất chip YMTC và 21 công ty lớn khác của Trung Quốc trong lĩnh vực chip trí tuệ nhân tạo vào danh sách đen cấm vận thương mại (Entity List), gây trở ngại lớn trong việc tiếp cận công nghệ và giao thương trong lĩnh vực chip của các công ty này.

Cuộc chiến thương mại chip giữa Mỹ và Trung Quốc đang trong giai đoạn căng thẳng và dự kiến sẽ còn kéo dài đến năm 2023, gây tác động lớn đến chuỗi cung ứng các sản phẩm máy móc, công nghệ điện tử trên toàn cầu. Đây có thể trở thành một cơ hội lớn cho Việt Nam trong thu hút đầu tư vốn và công nghệ từ nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất chip, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy các công ty nội địa tham gia sản xuất xuất khẩu các sản phẩm linh kiện chip và bán dẫn, chiếm một mắt xích trong chuỗi cung ứng được coi là tương lai của công nghệ thế giới này. ■



MỸ - EU

Mâu thuẫn từ Đạo luật Giảm lạm phát

Ngày 16/8/2022, Tổng thống Mỹ Biden đã chính thức ký Đạo luật Giảm lạm phát (IRA), được coi là bước đột phá về chính sách của Mỹ và là một nỗ lực quan trọng để xanh hóa nền kinh tế của nước này. Đạo luật có 05 nội dung lớn đáng chú ý bao gồm (i) áp thuế doanh nghiệp tối thiểu 15% với các công ty có thu nhập ít nhất 1 tỷ USD; (ii) cải cách giá thuốc kê đơn; (iii) hỗ trợ hoạt động của Sở Thuế vụ Mỹ; (iv) gia hạn trợ cấp phí bảo hiểm y tế theo Đạo luật Chăm sóc Giá cả phải chăng (ACA); và (v) đầu tư vào kinh tế xanh và giảm biến đổi khí hậu, trong đó nổi bật có chính sách tín dụng thuế làm giảm khí thải carbon, đầu tư sản xuất năng lượng sạch, miễn trừ thuế đối với xe điện được sản xuất ở Bắc Mỹ và hỗ trợ chuỗi cung ứng pin của Mỹ.

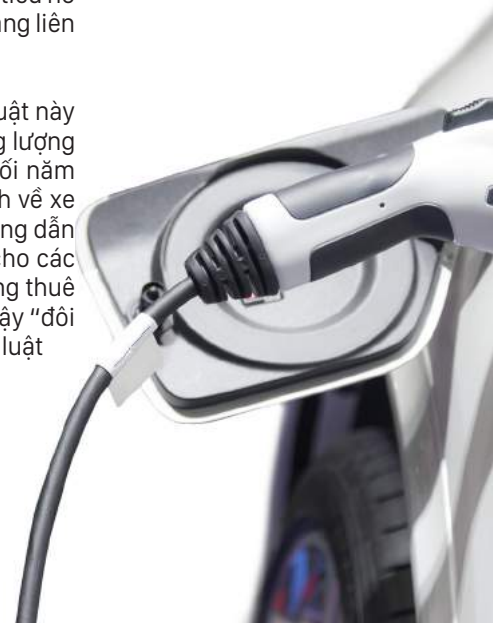
Theo thông tin trên trang web của Thượng viện Hoa Kỳ, Đạo luật IRA sẽ chi tổng cộng 738 tỷ USD, trong đó, 369 tỷ USD được chi cho việc đầu tư cho năng lượng sạch và giảm biến đổi khí hậu, 270 tỷ USD ưu đãi thuế và trợ cấp tài chính cho các nhà sản xuất và người tiêu dùng Mỹ. Ngược lại, IRA sẽ giúp Chính phủ Mỹ dự kiến thu về một khoản tiền khổng lồ lên đến 739 tỷ USD, gồm: 313 tỷ USD từ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, 288 tỷ USD từ cải cách giá thuốc kê đơn, và 138 tỷ USD từ thu thuế và lãi suất.

Đạo luật này đã làm dấy lên nhiều lo ngại tại Liên minh châu Âu (EU), đặc biệt là lo ngại về các chính sách trợ cấp dành cho xe điện sản xuất tại Bắc Mỹ sẽ làm ảnh hưởng tới các nhà sản xuất xe điện châu Âu. Các nhà lãnh đạo EU coi đạo luật này như một biểu hiện rõ ràng của chính sách bảo hộ, đi ngược lại với các cam kết của Washington về chủ nghĩa đa phương và tự do hóa thương mại. Cụ thể, EU cho rằng đạo luật này chỉ giảm thuế cho người tiêu dùng sử dụng xe điện được sản xuất tại Bắc Mỹ, do đó sẽ mang tính chất "phân biệt đối xử" với xe điện từ các nước khác, bao gồm EU, gây khó khăn cho các doanh nghiệp này tại thị trường lớn Mỹ trong bối cảnh EU đang tập trung phát triển sản xuất các mặt hàng bền vững như xe điện. Hơn thế nữa, đạo luật này có thể làm chuyển hướng dòng chảy đầu tư vào năng lượng sạch từ EU sang Mỹ, gây sức ép cho ngành công nghiệp xanh châu Âu.

Ngày 03/12/2022, Chủ tịch Ủy ban Thương mại thuộc Nghị viện châu Âu Bernd Lange cảnh báo rằng EU có thể đệ đơn kiện lên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) để chống lại đạo luật gây nhiều tranh cãi trên của Mỹ. Bên cạnh việc xúc tiến đàm phán với Mỹ để giải quyết các khúc mắc, Chủ tịch Ủy ban châu Âu Ursula von der Leyen đang triển khai thành lập một "Quỹ chủ quyền châu Âu", dự kiến sẽ công bố năm 2023 với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp châu Âu trong các ngành pin, bán dẫn, công nghệ hydro, và tăng liên kết trong khối để ứng phó với các biện pháp bảo hộ từ bên ngoài.

Trước những quan ngại của EU, Mỹ bày tỏ sự lắng nghe và lập luận rằng đạo luật này cũng sẽ đem lại cơ hội đáng kể cho các công ty của EU cũng như an ninh năng lượng của khu vực này bằng cách đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng. Cuối năm 2022, chính quyền Mỹ đã có một số điều chỉnh linh hoạt trong các chính sách về xe điện để làm dịu phản đối từ phía EU. Cụ thể, Bộ Tài chính Mỹ đã ban hành hướng dẫn về tín dụng thuế riêng cho xe thương mại sạch, mang lại một số cơ hội mới cho các nhà sản xuất nước ngoài và phân phối thông qua các đại lý cho người tiêu dùng thuê ô tô. Đại diện phía EU hoan nghênh động thái tích cực từ Mỹ và cho rằng như vậy "đôi bên cùng có lợi", nhưng vẫn hy vọng sẽ đạt được nhiều thay đổi hơn trong đạo luật thông qua đàm phán trong thời gian tới.

Có thể thấy rằng Đạo luật Giảm lạm phát đã phần nào gây căng thẳng cho mối quan hệ thương mại vốn "nhạy cảm" giữa Mỹ và EU. Tuy nhiên, cả hai bên đều đang thể hiện thái độ tích cực trao đổi, hợp tác để giải quyết các bất đồng. Dự kiến trong năm 2023, Mỹ sẽ điều chỉnh lại một số những điều khoản còn đang bị khiếu nại bởi EU dựa trên kết quả đàm phán giữa hai bên, và có thể tranh chấp này sẽ chấm dứt mà không bị đẩy lên thành một cuộc chiến thương mại. ■





XU HƯỚNG NÂNG CẤP CÁC FTA CỦA ASEAN

Trong nửa cuối năm 2022, các nước thành viên ASEAN đã tiến hành nâng cấp nhiều hiệp định thương mại tự do của khối, và đạt được những tiến triển đáng kể. Cụ thể, ASEAN đã hoàn tất đàm phán nâng cấp Hiệp định thương mại tự do với Australia-New Zealand (AANZFTA), khởi động đàm phán nâng cấp Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), chuẩn bị cho đàm phán nâng cấp Hiệp định thương mại hàng hóa của ASEAN (ATIGA) và Hiệp định thương mại hàng hóa của ASEAN - Ấn Độ (AITIGA). Dự kiến, các hiệp định này sẽ được cải thiện mở rộng phạm vi bao trùm và làm sâu sắc thêm mối quan hệ thương mại – đầu tư giữa khu vực nội khối ASEAN nói riêng, và ASEAN với các đối tác thương mại quen thuộc, nói chung.

Hoàn tất đàm phán nâng cấp Hiệp định AANZFTA

Ngày 13/11/2022, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 40 và 41, lãnh đạo các nước ASEAN, Australia và New Zealand đã tuyên bố cơ bản hoàn tất đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA).

Hiệp định AANZFTA chính thức có hiệu lực từ 2010, là một Hiệp định thương mại tương đối toàn diện, bao gồm rất nhiều cam kết về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử, di chuyển thể nhân, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh và hợp tác kinh tế... Hiệp định này đã được sửa đổi một lần vào năm 2015 qua bản Nghị định thư thứ nhất sửa đổi AANZFTA, trong đó quy định chi tiết hơn về quy trình cấp giấy chứng nhận xuất xứ trong thương mại hàng hóa.

Hiệp định AANZFTA đã đóng góp đáng kể trong việc phát triển sâu sắc mối quan hệ hợp tác thương mại – đầu tư giữa ASEAN với Australia và New Zealand bất chấp những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19 và các căng thẳng địa chính trị trên thế giới. Trong năm 2021, trao đổi thương mại giữa ASEAN với Australia và New Zealand đã tăng trưởng mạnh mẽ, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa ASEAN và Australia đạt 81,6 tỷ USD, tăng 49% so với năm 2020. Trong khi đó, thương mại hàng hóa giữa ASEAN và New Zealand đạt 11 tỷ USD, tăng 22,5% so với năm 2020. Trong năm 2021, tổng trị giá đầu tư nước ngoài từ Australia và New Zealand vào các nước thành viên ASEAN đạt tới 589 triệu USD.

Sau hơn một thập kỷ có hiệu lực, Hiệp định AANZFTA được đàm phán nâng cấp nhằm đảm bảo duy trì tính cạnh tranh, chất lượng cao của Hiệp định, đồng thời vẫn phù hợp và có lợi cho doanh nghiệp. Việc nâng cấp cũng nhằm đảm bảo Hiệp định phù hợp với các chính sách, xu hướng thương mại hiện tại, đóng góp hiệu quả vào các nỗ lực phục hồi kinh tế sau đại dịch và ứng phó hiệu quả với các thách thức của khu vực và thế giới.



Bản nâng cấp Hiệp định AANZFTA sẽ bổ sung thêm 03 Chương mới về (i) Mua sắm công; (ii) Doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ (SMSEs), và (iii) Phát triển thương mại và bền vững. Hiệp định được nâng cấp dự kiến sẽ đem lại những lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp các nước tham gia Hiệp định nói chung và doanh nghiệp Việt Nam nói riêng thông qua việc cải thiện các biện pháp minh bạch, tăng cường thuận lợi hóa thương mại trong thời kỳ khủng hoảng, giảm chi phí và thời gian cho hoạt động xuất nhập khẩu, sử dụng các giải pháp công nghệ cho thương mại, thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực công nghệ số, phát triển bền vững và dịch vụ giáo dục, tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong hoạt động kinh tế như mua sắm công...

Việc hoàn tất đàm phán Hiệp định AANZFTA bản nâng cấp được coi như một thành tựu đáng ghi nhận. Theo đó, các nước thành viên Hiệp định dự kiến sẽ ký kết và công bố Nghị định thư sửa đổi AANZFTA vào tháng 3/2023 trước khi chính thức đưa bản nâng cấp vào thực hiện.

Khởi động đàm phán nâng cấp ACFTA

Ngày 11/11/2022, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN – Trung Quốc lần thứ 25, ASEAN và Trung Quốc đã chính thức công bố khởi động đàm phán nâng cấp Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA).

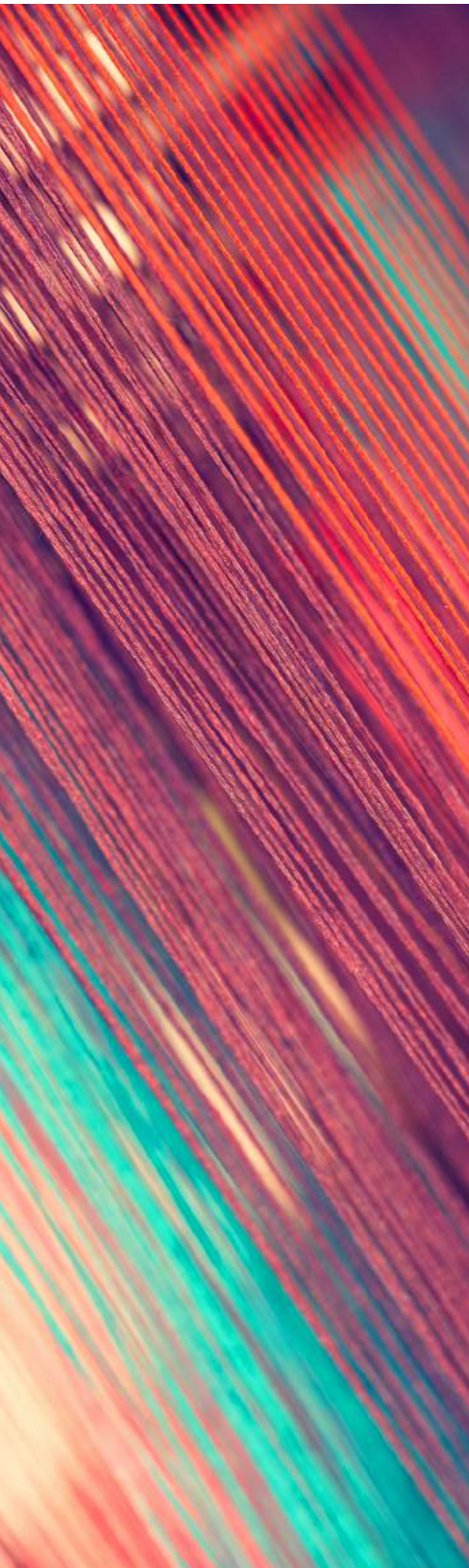
ACFTA được biết đến là FTA lâu đời nhất của ASEAN với một đối tác ngoài ASEAN. ASEAN và Trung Quốc ký Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện tháng 11/2002. Trên cơ sở Hiệp định khung, hai bên tiếp tục đàm phán và ký kết các Hiệp định về Thương mại Hàng hóa (có hiệu lực từ tháng 7/2005), Hiệp định về Thương mại Dịch vụ (có hiệu lực từ tháng 7/2007), Hiệp định về Đầu tư (có hiệu lực từ tháng 2/2010) nhằm thiết lập Khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc. Tháng 11/2015, các nước thành viên đã ký kết một Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung và các Hiệp định liên quan trong khuôn khổ ACFTA, trong đó có nhiều cam kết mới về hàng hóa, dịch vụ và đầu tư.

ASEAN và Trung Quốc sẽ tiến hành nâng cấp ACFTA trong một số lĩnh vực mà cả hai bên cùng quan tâm, trong đó bao gồm kinh tế kỹ thuật số, kinh tế xanh, kết nối chuỗi cung ứng, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs).

Việc đàm phán nâng cấp ACFTA dự kiến sẽ góp phần làm sâu sắc mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa ASEAN và Trung Quốc, đóng góp vào công cuộc phục hồi kinh tế sau đại dịch của cả hai bên. Ngoài ra, việc nâng cấp ACFTA nhằm đảm bảo các cam kết của Hiệp định phù hợp hơn với các doanh nghiệp ASEAN và Trung Quốc, giúp các doanh nghiệp ứng phó hiệu quả hơn với các thách thức trong khu vực và trên thế giới.

Trong hơn 20 năm hợp tác, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN và là nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn thứ ba vào khu vực này (chỉ sau Mỹ và EU). Năm 2021, bất chấp những tác động tiêu cực từ đại dịch COVID-19, trao đổi thương mại hàng hóa giữa ASEAN và Trung Quốc vẫn đạt 669 tỷ USD, tăng 29% so với năm trước đó. Đồng thời, tổng vốn FDI từ Trung Quốc vào ASEAN năm 2021 cũng đạt tới 13,8 tỷ USD, chiếm 7,8% tổng vốn FDI vào ASEAN năm 2021, và tăng gần gấp đôi so với mức 7,1 tỷ USD năm 2020.





Chuẩn bị khởi động đàm phán nâng cấp ATIGA, AITIGA

Ngày 14/9/2022, trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 54, các Bộ trưởng ASEAN đã trao đổi về việc triển khai đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Tương tự như các FTA khác, việc nâng cấp Hiệp định ATIGA nhằm điều chỉnh các quy định hiện hành và bổ sung các quy định mới để phù hợp hơn với bối cảnh thế giới có nhiều biến động khó lường như hiện nay (đại dịch, xung đột Nga-Ukraine...), từ đó giúp ASEAN có thể ứng phó tốt hơn với những khó khăn hiện tại và những thách thức trong tương lai gần tới.

Tính đến thời điểm hiện tại, do hầu hết thuế quan đã được xóa bỏ giữa các nước ASEAN nên mục tiêu chính của việc nâng cấp Hiệp định ATIGA sẽ là giảm bớt các rào cản thương mại trong khu vực, tạo thuận lợi hóa thương mại, tăng cường minh bạch hóa chính sách, qua đó thúc đẩy việc luân chuyển hàng hóa tự do giữa các nước, củng cố chuỗi cung ứng trong khu vực... Với mục tiêu này, những nội dung dự kiến sẽ được đưa vào đàm phán nâng cấp Hiệp định ATIGA bao gồm: đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa; quy tắc xuất xứ; thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại; phòng vệ thương mại; các biện pháp SPS, TBT. Ngoài ra, các nước ASEAN cũng dự kiến bổ sung những nội dung về thương mại và môi trường cũng như doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) trong đàm phán nâng cấp Hiệp định ATIGA.

Bên cạnh đó, tại Hội nghị tham vấn các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN-Ấn Độ ngày 16/09/2022, ASEAN và Ấn Độ cũng đã thống nhất việc khởi động các cuộc đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ (AITIGA). Tại Hội nghị, hai bên đã thông qua phạm vi rà soát của AITIGA với mục tiêu giúp cho Hiệp định trở nên thân thiện, đơn giản hơn, tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp cũng như đáp ứng các thách thức trong khu vực và trên thế giới hiện nay. ■





CPTPP CÓ HIỆU LỰC VỚI MALAYSIA VÀ TIẾP TỤC THU HÚT ĐỐI TÁC MỚI

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết vào năm 2018, bao gồm 11 nước thành viên là Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia và Việt Nam. Hiệp định này chính thức có hiệu lực từ 31/12/2018 với 06 quốc gia thành viên phê chuẩn sớm nhất bao gồm Mexico, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Australia. Sau đó, CPTPP lần lượt có hiệu lực tại Việt Nam (từ ngày 14/1/2019), và Peru (từ ngày 19/9/2021). Theo diễn tiến mới nhất, Malaysia là thành viên thứ 09 phê chuẩn CPTPP vào 05/10/2022, và Hiệp định chính thức có hiệu lực tại Malaysia từ ngày 29/11/2022. Dự tính, CPTPP sẽ giúp tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Malaysia tăng lên 655,9 tỷ USD vào năm 2030.

Nhìn chung, việc Malaysia phê chuẩn CPTPP không mang lại lợi thế lớn cho hàng hóa Việt Nam tại thị trường này do chúng ta đã có những hiệp định ký với Malaysia trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác. Tuy nhiên, quy tắc xuất xứ trong Hiệp định sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam sử dụng nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Malaysia như hóa chất, chất dẻo, nguyên liệu linh kiện điện tử... để đáp ứng được tiêu chuẩn về xuất xứ hàng hóa xuất sang thị trường các nước CPTPP, đặc biệt là 03 thị trường mà ASEAN chưa có FTA là Canada, Mexico và Peru.

Bên cạnh các thành viên hiện tại, CPTPP còn hấp dẫn nhiều quốc gia bên ngoài muốn tham gia vào Hiệp định này. Chỉ trong nửa cuối năm 2022, đã có thêm hai nước mới từ khu vực Mỹ Latinh nộp đơn xin gia nhập CPTPP, đó là Costa Rica và Uruguay. Cụ thể, ngày 10/8/2022, Costa Rica thông báo nước này đã chính thức đề nghị gia nhập CPTPP nhằm hướng tới việc tăng cường quan hệ thương mại với các nền kinh tế châu Á. Ngày 01/12/2022, Tổng thống Uruguay cũng thông báo nước này đã nộp đơn xin gia nhập CPTPP - đây là động thái nằm trong chiến lược kinh tế quốc tế của Uruguay nhằm tìm kiếm các cơ hội mới tại thị trường nước ngoài. Tính đến hiện tại, CPTPP đã nhận được đơn xin gia nhập mới của Trung Quốc, Vương quốc Anh, Đài Loan (Trung Quốc) và 03 nước Mỹ Latinh bao gồm Ecuador, Costa Rica và Uruguay.

Ngoài những lá đơn xin gia nhập mới, những quốc gia đã nộp đề nghị gia nhập CPTPP trước đó như Trung Quốc và Anh cũng đang rất tích cực thúc đẩy quá trình gia nhập Hiệp định này. Cụ thể, về phía Trung Quốc, nước này cho biết đã tiến hành một cuộc nghiên cứu đánh giá đầy đủ, toàn diện và chuyên sâu về các quy tắc trong văn bản Hiệp định, đồng thời xây dựng kế hoạch cho các luật và chính sách có thể cần sửa đổi để tham gia CPTPP. Tính đến thời điểm hiện tại, mặc dù đã hơn một năm kể từ khi Trung Quốc xin gia nhập CPTPP, các cuộc đàm phán chính thức về vấn đề này vẫn chưa bắt đầu. Trong khi đó với việc xin gia nhập của Anh, các thành viên CPTPP chỉ mất 04 tháng để khởi động nhóm công tác về việc gia nhập của nước này, và đang trong giai đoạn đàm phán cuối cùng để Anh có thể gia nhập CPTPP trong năm 2023. ■





ANH LÌU THỜI GIAN ÁP DỤNG NHÃN UKCA CHO DOANH NGHIỆP

Nhãn hiệu UKCA là gì?

Nhãn hiệu UKCA (UK Conformity Assessed hay Đánh giá Sự phù hợp của Vương quốc Anh) là nhãn hiệu bắt buộc cho một số sản phẩm lưu hành tại phần lớn lãnh thổ Vương quốc Anh. Các sản phẩm được gắn nhãn UKCA sẽ thể hiện rằng hàng hóa này đã vượt qua các quy trình đánh giá sự phù hợp do Vương quốc Anh công bố và sự phù hợp của chúng đã được chấp thuận.

Gắn nhãn hàng hóa phù hợp vốn đã không còn xa lạ đối với các nhà xuất khẩu sang thị trường Anh. Trước Brexit, hàng hóa phải có nhãn Công nhận châu Âu (European Conformity – CE) mới được phép xuất khẩu sang thị trường châu Âu, trong đó có Anh. Nhãn UKCA được Anh phát triển từ năm 2020 nhằm thay thế cho nhãn hiệu CE sau khi Anh chính thức rời EU theo tiến trình Brexit.

Phạm vi áp dụng nhãn hiệu UKCA

Nhãn hiệu UKCA áp dụng cho tất cả hàng hóa trước đây được yêu cầu nhãn hiệu CE. Một số hàng hóa công nghiệp cần phải được gắn nhãn hiệu UKCA có thể kể đến là: pháo hoa; thuyền dùng cho mục đích giải trí và mô tô nước; bình áp suất đơn giản; dụng cụ đo lường, thang máy; thiết bị vô tuyến điện; thiết bị áp suất; thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE); thiết bị gas; thiết bị điện áp thấp...

Nhãn hiệu UKCA chỉ áp dụng bắt buộc cho hàng hóa xuất khẩu sang khu vực England, xứ Wales, Scotland thuộc Vương quốc Anh, và không yêu cầu đối với hàng lưu hành tại thị trường Bắc Ireland. Theo Nghị định thư Bắc Ireland đã có hiệu lực từ ngày 1/1/2021, hàng hóa tại khu vực này có thể sử dụng nhãn CE hoặc nhãn UKNI (được quy định riêng cho thị trường Bắc Ireland, được đánh giá bởi bên thứ ba là một cơ quan có trụ sở tại Vương quốc Anh) để chứng minh sự phù hợp.

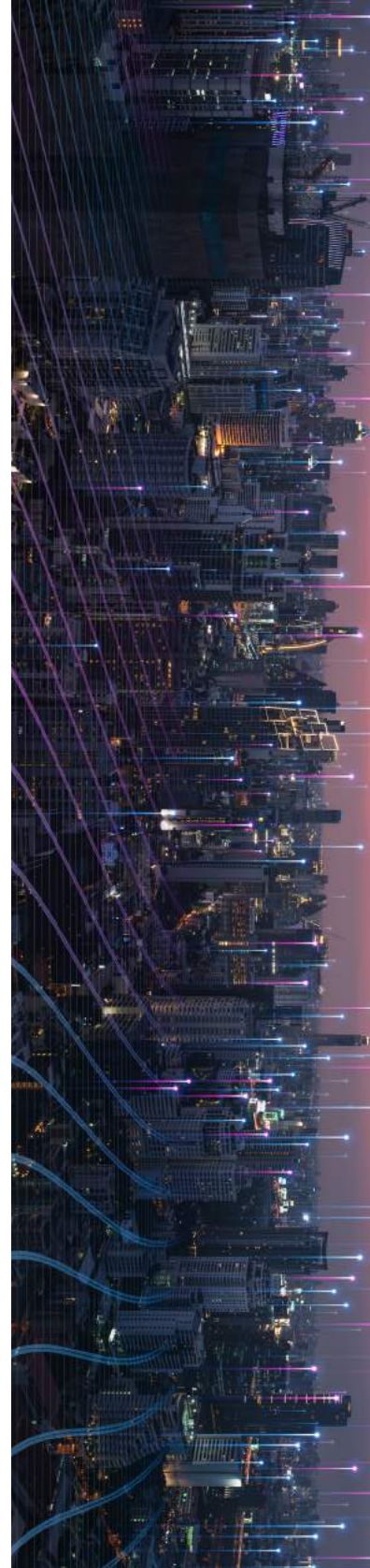


Thời hạn để doanh nghiệp chuyển đổi từ nhãn hiệu CE sang nhãn hiệu UKCA

Trên thực tế, nhãn hiệu UKCA đã bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/2021, và thời gian chuyển đổi được quy định ban đầu là một năm. Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, doanh nghiệp sau đó được cho phép duy trì sử dụng nhãn hiệu CE đồng thời với nhãn UKCA đến hết năm 2022. Tuy nhiên, trong thông báo gần đây nhất, Chính phủ Anh cho biết trong điều kiện khó khăn do sự thay đổi cung cầu sau đại dịch, cuộc chiến tại Ukraine và giá năng lượng tăng cao, Chính phủ Anh không muốn tạo gánh nặng cho doanh nghiệp trong giai đoạn này. Do đó, Chính phủ Anh sẽ tiếp tục công nhận đồng thời cả dấu CE và dấu UKCA thêm hai năm nữa, tức là đến hết 31/12/2024.

Như vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu sang Anh sẽ có thêm thời gian chuẩn bị để có thể sẵn sàng chuyển đổi từ việc sử dụng song song cùng với nhãn hiệu CE sang chỉ còn sử dụng nhãn hiệu UKCA vào đầu năm 2025. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam có định hướng xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Anh, dù thời gian chuyển đổi còn tương đối dài nhưng doanh nghiệp cũng nên có kế hoạch chuẩn bị cần thiết để có thể thuận lợi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này khi có đơn hàng. Mặc dù về mặt kỹ thuật, yêu cầu đối với nhãn UKCA tương tự như với nhãn CE, nhưng về mặt thủ tục hành chính, doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ để có thể đáp ứng được yêu cầu nhãn mác, tránh tình trạng Hải quan Anh phải hỏi lại, bắt trình giấy tờ mới. Với các doanh nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xin các chứng nhận hàng hóa phù hợp thì có thể tham vấn thông tin chi tiết từ các cơ quan có thẩm quyền hoặc thuê đơn vị tư vấn chuyên nghiệp để đảm bảo quá trình xuất khẩu hàng hóa sang Anh được thuận lợi nhất. ■

Doanh nghiệp có thể theo dõi các thông tin cụ thể và cập nhật về UKCA tại website của Chính phủ Anh theo link sau: <https://www.gov.uk/guidance/using-the-ukca-marking>



XU HƯỚNG ĐÀM PHÁN CÁC HIỆP ĐỊNH KINH TẾ KỸ THUẬT SỐ CỦA SINGAPORE

Hiệp định kinh tế kỹ thuật số là gì?

Hiệp định kinh tế kỹ thuật số (Digital Economy Agreement - DEA) là hiệp định thiết lập các quy tắc thương mại kỹ thuật số và hợp tác kinh tế kỹ thuật số giữa hai hoặc nhiều nền kinh tế. Không giống như các hiệp định thương mại truyền thống đôi khi có các chương về các vấn đề thương mại kỹ thuật số nhưng chỉ thường tập trung vào tiếp cận thị trường, các hiệp định kinh tế kỹ thuật số khuyến khích cải cách quy định trong nước và hợp tác "mềm" xuyên biên giới trong các vấn đề có phạm vi rộng và sâu hơn như đổi mới dữ liệu, nhận dạng kỹ thuật số, an ninh mạng, bảo vệ người tiêu dùng và kỹ thuật số toàn diện.

Singapore là một trong những quốc gia đi đầu trên thế giới trong việc đàm phán và ký kết các DEA. Thông qua DEA với các đối tác quan trọng, Singapore hướng tới hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tham gia sâu hơn vào thương mại điện tử. Với việc thiết lập các khuôn khổ và quy tắc chung cho thương mại kỹ thuật số, DEA cho phép các công ty ở Singapore kết nối kỹ thuật số với các đối tác nước ngoài của họ một cách liền mạch hơn, từ đó có thể góp phần giảm chi phí hoạt động, tăng hiệu quả kinh doanh và tạo khả năng tiếp cận thị trường quốc tế một cách dễ dàng. Sau đây là một số DEA nổi bật mà Singapore đã ký kết.

■ Hiệp định Đối tác Kinh tế Kỹ thuật số (Digital Economy Partnership Agreement - DEPA)

Hiệp định Đối tác Kinh tế Kỹ thuật số là DEA đầu tiên được Singapore ký kết cùng với Chile và New Zealand vào ngày 12/6/2020 và chính thức có hiệu lực với Singapore và New Zealand vào ngày 07/01/2021. DEPA là thỏa thuận nhằm thiết lập các cách tiếp cận và hợp tác mới trong lĩnh vực thương mại kỹ thuật số, thúc đẩy khả năng tương tác giữa các cơ chế khác nhau và giải quyết các vấn đề mới do quá trình số hóa mang lại trong khu vực. Đây là một thỏa thuận mở, có cơ chế kết nạp bổ sung thành viên đến từ các quốc gia thuộc WTO nếu đáp ứng được yêu cầu của Hiệp định. DEPA đã nhận được đơn xin gia nhập của Hàn Quốc vào ngày 13/9/2021, của Trung Quốc vào 31/10/2021 và đang trong quá trình xem xét đánh giá sự gia nhập của các nước này.

Một số điểm đáng chú ý của Hiệp định này bao gồm (i) Tạo thuận lợi cho thương mại kỹ thuật số đầu cuối, gồm các vấn đề như nhận dạng kỹ thuật số, hóa đơn điện tử, giao dịch không dùng giấy tờ, công nghệ tài chính và thanh toán điện tử; (ii) Kích hoạt luồng dữ liệu đáng tin cậy, gồm các vấn đề như bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu chính phủ mở, luồng dữ liệu xuyên biên giới, đổi mới dữ liệu và sandbox điều chỉnh; và (iii) Xây dựng niềm tin trong các hệ thống điện tử và tạo cơ hội tham gia vào nền kinh tế kỹ thuật số, gồm các vấn đề như trí tuệ nhân tạo, hợp tác doanh nghiệp vừa và nhỏ, bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến, kỹ thuật số toàn diện.

■ Hiệp định Kinh tế kỹ thuật số Singapore-Australia (Singapore-Australia Digital Economy Agreement - SADEA)

Hiệp định Kinh tế kỹ thuật số giữa Singapore và Australia là DEA thứ hai của Singapore, được ký kết vào 06/08/2020 và chính thức có hiệu lực từ 08/12/2020.



SADEA góp phần tăng cường các thỏa thuận thương mại kỹ thuật số hiện có giữa Singapore và Australia theo Hiệp định Thương mại Tự do Singapore-Australia. Hiệp định này cũng bao gồm tám Bản ghi nhớ để thực thi một số cam kết trong DEA thông qua các dự án hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo, Đổi mới dữ liệu, Nhận dạng kỹ thuật số, Bảo vệ thông tin cá nhân, Hóa đơn điện tử, Tạo thuận lợi thương mại, Chứng nhận điện tử về Hàng hóa Nông nghiệp và Bảo vệ Người tiêu dùng.

■ **Hiệp định Kinh tế kỹ thuật số Vương quốc Anh-Singapore (UK-Singapore Digital Economy Agreement - UKSDEA)**

Hiệp định Kinh tế kỹ thuật số giữa Vương quốc Anh và Singapore là DEA thứ ba của Singapore, được ký kết vào ngày 25/02/2022 và chính thức có hiệu lực từ 14/06/2022 sau khi Vương quốc Anh và Singapore hoàn tất các quy trình phê chuẩn trong nước tương ứng. Là hiệp định chỉ bao gồm các vấn đề kinh tế kỹ thuật số đầu tiên giữa một quốc gia châu Á và một quốc gia châu Âu, UKSDEA được Phó Thủ tướng Singapore Heng Swee Keat đánh giá là một thỏa thuận thương mại mang tính bước ngoặt "vượt ra ngoài các mối liên kết kinh tế truyền thống để xây dựng những cầu nối kỹ thuật số mới".

UKSDEA bao gồm các cam kết về nền tảng của nền kinh tế kỹ thuật số, như hợp tác trong nhiều lĩnh vực mới nổi và tiên tiến như Dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ tài chính và Công nghệ quản lý, Nhận dạng kỹ thuật số và Công nghệ pháp lý. Cùng với UKSDEA, Singapore và Vương quốc Anh cũng đã ký kết các Biên bản ghi nhớ và các Nghị định thư kèm theo nhằm cung cấp một khuôn khổ hợp tác song phương về các vấn đề tiềm năng trong tương lai như Hợp tác an ninh mạng, Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số, Hợp tác nhận dạng kỹ thuật số, Công nghệ tài chính, và Hợp tác hải quan.

■ **Hiệp định Đối tác kỹ thuật số Hàn Quốc-Singapore (Korea-Singapore Digital Partnership Agreement - KSDPA)**

Hiệp định Đối tác kỹ thuật số giữa Hàn Quốc và Singapore là DEA thứ tư của Singapore và là thỏa thuận đầu tiên với một quốc gia châu Á. Hiệp định này được ký kết vào ngày 21/11/2022, sau hơn một năm rưỡi đàm phán, và dự kiến sẽ có hiệu lực trong năm 2023.

Thỏa thuận sẽ tăng cường quan hệ hợp tác song phương trong nền kinh tế kỹ thuật số giữa hai quốc gia thông qua việc thiết lập các quy tắc và chuẩn mực để thúc đẩy khả năng tương tác giữa các hệ thống kỹ thuật số. Điều này sẽ cho phép các luồng dữ liệu xuyên biên giới liền mạch hơn và xây dựng một môi trường kỹ thuật số an toàn và đáng tin cậy cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng. Việc ký kết KSDPA sẽ giúp giảm chi phí giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử và quy trình thương mại điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, công ty khởi nghiệp của hai bên tiến vào thị trường thương mại điện tử đang phát triển nhanh chóng. Các nội dung nổi bật trong hiệp định này có thể kể đến như: Thanh toán điện tử, Giao dịch không dùng giấy tờ, Dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới, và Trí tuệ nhân tạo (AI).

Ngoài ra, Singapore cùng các quốc gia khác trong ASEAN cũng đang xem xét một thỏa thuận kinh tế kỹ thuật số khu vực, hay còn gọi là Hiệp định khung Kinh tế kỹ thuật số ASEAN (ASEAN Digital Economy Framework Agreement - DEFA). Thỏa thuận này nằm trong "Lộ trình Bandar Seri Begawan: Chương trình nghị sự về chuyển đổi số của ASEAN nhằm thúc đẩy nền kinh tế (BSBR)" được thông qua vào tháng 9/2022. Dự kiến Hiệp định này sẽ được tiến hành nghiên cứu từ 2023, và bắt đầu quá trình đàm phán vào năm 2025. Với thị trường internet phát triển nhanh nhất thế giới và nền kinh tế kỹ thuật số được dự đoán sẽ bổ sung khoảng 1 nghìn tỷ USD vào GDP khu vực trong thập kỷ tới, Singapore cùng ASEAN đang tích cực chuẩn bị tạo nền tảng, và sẵn sàng tận dụng các cơ hội do hội nhập kỹ thuật số đem lại trong tương lai. ■





FTA CAMPUCHIA - HÀN QUỐC CHÍNH THỨC CÓ HIỆU LỰC

Sau 60 ngày kể từ thời điểm Campuchia nhận được Công hàm về việc đã hoàn tất các thủ tục nội bộ từ phía Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Campuchia và Hàn Quốc (CKFTA) đã chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2022. Hiệp định này bắt đầu được khởi động đàm phán từ tháng 7/2020, chính thức được ký kết vào ngày 21/10/2021, và phải mất hơn một năm sau mới bắt đầu được đưa vào thực thi.

Về nội dung, CKFTA gần như chỉ tập trung vào thương mại hàng hóa, bao gồm các cam kết về cắt giảm thuế quan; quy tắc xuất xứ; hải quan và tạo thuận lợi thương mại; phòng vệ thương mại; hợp tác kinh tế và minh bạch hóa. CKFTA là Hiệp định thương mại tự do song phương thứ 2 của Campuchia, sau Hiệp định thương mại tự do giữa Campuchia và Trung Quốc đã có hiệu lực từ tháng 01/2022.

Trong Hiệp định CKFTA, Campuchia và Hàn Quốc dành cho nhau cam kết cắt giảm thuế quan ở mức độ tương đối cao. Cụ thể, Campuchia sẽ xóa bỏ 93,8% số dòng thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu từ Hàn Quốc. Ngược lại, Hàn Quốc cũng sẽ xóa bỏ thuế cho 95,6% hàng hóa nhập khẩu từ Campuchia. Theo đó, những sản phẩm dự kiến được hưởng lợi nhiều nhất từ việc dỡ bỏ thuế quan này bao gồm các sản phẩm ô tô, điện tử và dược phẩm của Hàn Quốc; và mặt hàng may mặc, giày dép, túi xách, nông sản, phụ tùng, cao su, sản phẩm công nghiệp nhẹ và linh kiện điện tử của Campuchia.

Trong 11 tháng đầu năm 2022, thương mại hai chiều giữa Campuchia và Hàn Quốc đạt khoảng 711 triệu USD, tăng 1,01% so với năm trước đó. Việc thực thi CKFTA được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động xuất nhập khẩu giữa Campuchia và Hàn Quốc, hỗ trợ phục hồi hai nền kinh tế sau đại dịch cũng như ứng phó với những biến động kinh tế trên thế giới hiện nay. ■





DOANH NGHIỆP VIỆT NAM SAU HAI NĂM THỰC THI **EVFTA**

Có hiệu lực từ 8/2020, tới nay Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (gọi tắt là EVFTA) đã trải qua 02 năm thực thi. Phần lớn các cam kết của Hiệp định thế hệ mới, tiêu chuẩn cao này đều đã được triển khai trên thực tế, qua đó EVFTA đã bắt đầu tác động tới thể chế kinh tế nói chung cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng.

*Để tìm hiểu tác động thực tế của Hiệp định này tới các doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Trung tâm WTO và Hội nhập), với sự hỗ trợ của Quỹ FNF tại Việt Nam, đã thực hiện **Báo cáo nghiên cứu “Việt Nam sau 02 năm thực thi EVFTA từ góc nhìn doanh nghiệp”** thông qua (i) Khảo sát hơn 500 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực ngành nghề trên toàn quốc trong khoảng tháng 5-8/2022; (ii) Rà soát chi tiết các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi các cam kết EVFTA.*

Chuyên đề này sẽ giới thiệu tóm tắt các kết quả nghiên cứu của Báo cáo trên nhằm cung cấp cho bạn đọc một bức tranh toàn cảnh về hai năm thực hiện EVFTA từ góc độ doanh nghiệp, cùng với các phân tích nguyên nhân và nhận định về các thông điệp đằng sau các phát hiện này.



01

HIỆU QUẢ THỰC THI EVFTA TỪ GÓC ĐỘ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ

Từ góc độ thương mại

Theo số liệu của Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và 27 nước thành viên EU giai đoạn 8/2020-7/2022 ghi nhận sự tăng trưởng liên tục ở góc độ xuất khẩu và nhập khẩu. Mặc dù vẫn còn một số điểm quan ngại, phần lớn các dữ liệu này thể hiện các tín hiệu lạc quan, cho thấy EVFTA đã có tác động tích cực với thương mại hai chiều.

Về xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang EU giai đoạn 8/2020-7/2022 đạt 83,4 tỷ USD, tức trung bình 41,7 tỷ USD/năm, cao hơn 24% kim ngạch xuất khẩu trung bình năm giai đoạn 2016-2019. Tỷ lệ hàng xuất khẩu tận dụng ưu đãi thuế quan EVFTA năm 2020 đạt 14,8%, tăng lên 20,2% năm 2021 và 24,5% trong 6 tháng đầu năm 2022. Đặc biệt, EVFTA đã tạo tác động lan tỏa tới nhiều khu vực dân cư khi các sản phẩm tận dụng tốt nhất các ưu đãi thuế quan EVFTA được ghi nhận là gạo (100%), giày dép (74-98%), thủy sản (70-76%), nhựa và các sản phẩm nhựa (53-70%)...

Mặc dù vậy, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam đi EU năm 2021 chỉ đạt 14,1%, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình của xuất khẩu Việt Nam đi các thị trường có FTA khác (18,2%) và từ Việt Nam đi toàn thế giới (19%). Mức này cũng thấp hơn so với tăng trưởng nhập khẩu của EU từ tất cả các nước trên thế giới trong năm 2021 (23%).

Về nhập khẩu, sau khi EVFTA có hiệu lực, nhập khẩu từ EU vào Việt Nam cũng tăng liên tục cho tới trước khi chững lại khoảng giữa năm 2022. Các sản phẩm nhập khẩu ghi nhận mức tăng trưởng mạnh sau khi có EVFTA phần nhiều là nguồn đầu vào chủ yếu cho sản xuất, xuất khẩu của một số ngành (như nguyên phụ liệu dệt may da giày, máy tính, máy móc thiết bị, phân bón, thức ăn gia súc...).

Với tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu cơ bản luôn thấp hơn tăng trưởng nhập khẩu trung bình của Việt Nam từ tất cả các nước (trừ năm 2020 có cao hơn chút ít), nhập khẩu từ EU trong hai năm qua được cho là không tạo ra cú sốc hay sức ép quá lớn cho thị trường nội địa. Tuy nhiên, vẫn có một vài sản phẩm tăng mạnh nhập khẩu từ EU thuộc nhóm tiêu dùng là chủ yếu, ít phục vụ cho sản xuất như kỳ vọng (ô tô nguyên chiếc, chế phẩm thực phẩm, chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng điện gia dụng...). Xu hướng này nếu tiếp tục sẽ tạo ra áp lực không nhỏ cho cạnh tranh trên thị trường nội địa, nhất là khi nhiều sản phẩm từ EU tiếp tục được mở cửa theo lộ trình.



Bảng 1 - Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam sang EU giai đoạn 2016-2021

Năm	Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang EU(27)		Nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam từ EU(27)	
	Trị giá xuất khẩu (tỷ USD)	Tăng trưởng	Trị giá nhập khẩu (tỷ USD)	Tăng trưởng
2016	29,11	10,73%	10,34	6,6%
2017	32,92	13,09%	11,37	9,96%
2018	36,01	9,39%	12,92	13,63%
2019	35,79	-0,61%	14,04	8,67%
2020	35,14	-1,82%	14,65	4,34%
2021	40,12	14,1%	16,89	15,3%

Nguồn: Các Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2016-2021, Bộ Công Thương





Từ góc độ thu hút đầu tư nước ngoài

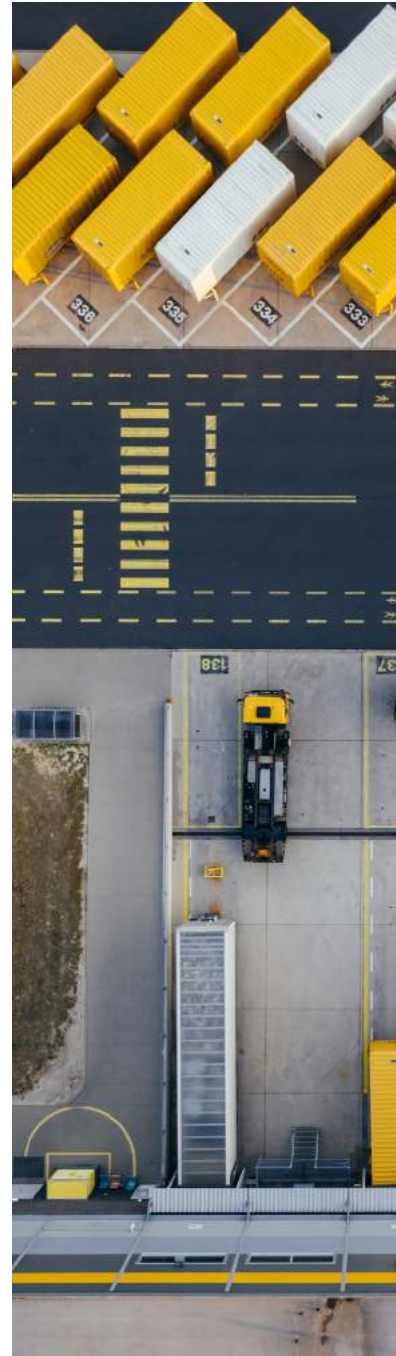
Đầu tư nước ngoài của EU vào Việt Nam năm 2020 đạt gần 1.376 triệu USD vốn đăng ký, giảm 8,6% so với 2019, đứng thứ 8 và chiếm 4,8% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Năm 2021, tình hình có cải thiện hơn, với tổng vốn hơn 1.405 triệu USD, tăng 2,2%, giúp EU vươn lên đứng thứ 5 nhưng tỷ trọng trong tổng đầu tư nước ngoài giảm nhẹ, chiếm 4,5%. Các dữ liệu dài hạn hơn cho thấy EVFTA có thể đã tạo động lực quan trọng thu hút đầu tư từ EU vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư bình quân năm giai đoạn 2017-2021 (giai đoạn sau khi EVFTA hoàn tất đàm phán) tăng 86% so với thời gian 2015-2016 liền trước đó.

FDI của EU tuy còn khiêm tốn so với các đối tác trong khu vực châu Á nhưng được xếp vào nhóm có chất lượng, có hàm lượng và tỷ lệ chuyển giao công nghệ cao, phương pháp quản lý tiên tiến và tạo ra giá trị gia tăng cao, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của Việt Nam. Một dấu hiệu tích cực của FDI EU vào Việt Nam giai đoạn hai năm đầu thực thi EVFTA là phạm vi đầu tư không còn chỉ tập trung vào các ngành công nghiệp cao mà đã tích cực chuyển hướng mở rộng sang các ngành dịch vụ, năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, chế biến thực phẩm và nông nghiệp công nghệ cao...

Bảng 2 - Kết quả thu hút đầu tư EU vào Việt Nam giai đoạn 2016-2021

Năm	Đầu tư từ EU vào Việt Nam	
	Trị giá (triệu USD)	Tăng trưởng
2016	841,12	13,9%
2017	1.508,77	79,38%
2018	1.571,29	4,14%
2019	1.504,81	-4,23%
2020	1.375,68	-8,58%
2021	1.405,27	2,15%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư



02

HIỆU QUẢ THỰC THI EVFTA TỪ GÓC ĐỘ DOANH NGHIỆP



Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về EVFTA

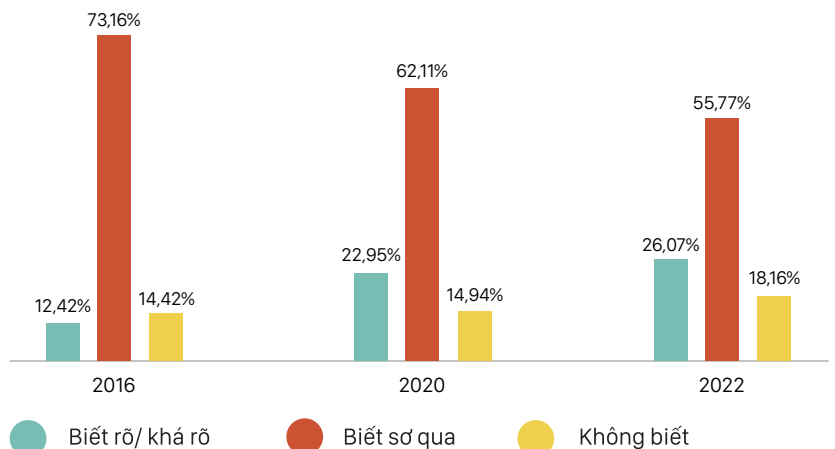
Để có thể tận dụng được các cơ hội từ một FTA, việc doanh nghiệp có hiểu biết về các cam kết FTA là rất quan trọng. Đối với một FTA lớn, phạm vi rộng và dự kiến sẽ có tác động sâu sắc tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là xuất nhập khẩu, nhận thức của doanh nghiệp về Hiệp định càng có ý nghĩa hơn.

Kết quả Khảo sát cho thấy **EVFTA là FTA được doanh nghiệp biết tới nhiều nhất, cũng là Hiệp định có tỷ lệ các doanh nghiệp biết rõ cao nhất.**

Cụ thể, có tới gần 94% doanh nghiệp từng nghe nói hoặc biết ở các mức độ khác nhau Hiệp định này, cao nhất trong số các FTA đang thực hiện. Cứ 10 doanh nghiệp khảo sát thì có 03 doanh nghiệp biết khá rõ và 01 doanh nghiệp biết rất rõ về các cam kết EVFTA có liên quan tới hoạt động kinh doanh của mình. Cùng với các Khảo sát do VCCI thực hiện năm 2016 và 2020, có thể thấy trong tổng thể, qua thời gian, mức độ quan tâm và chủ động tìm hiểu các cam kết FTA của doanh nghiệp đã được cải thiện theo hướng tích cực.

Động lực lợi ích từ EVFTA có lẽ là đủ lớn để thu hút sự quan tâm tìm hiểu của doanh nghiệp. Đồng thời, kết quả này cũng cho thấy các hoạt động phổ biến tuyên truyền về Hiệp định này của cả các cơ quan Nhà nước, VCCI và các đơn vị truyền thông trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả tích cực.

Hình 1 - Hiểu biết của doanh nghiệp về các FTA 2016-2022

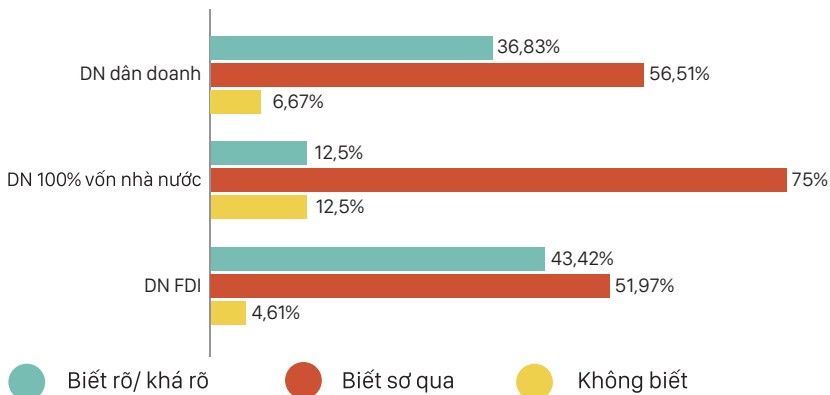


Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2016, 2020, 2022



Trong so sánh giữa các nhóm doanh nghiệp, kết quả Khảo sát cho thấy mức độ hiểu biết về EVFTA có khác biệt khá rõ giữa các nhóm doanh nghiệp, giảm dần từ các doanh nghiệp FDI đến doanh nghiệp dân doanh và cuối cùng là các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Cụ thể, các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (FDI) có tỷ lệ biết khá rõ/rõ về EVFTA cao nhất (43,4%). Trong khi tỷ lệ này ở nhóm các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước (DNNN) chỉ là 12,5%, thậm chí còn kém xa so với tỷ lệ 36,8% ở nhóm doanh nghiệp dân doanh.

Hình 2 - Hiểu biết về EVFTA theo nguồn gốc vốn của doanh nghiệp



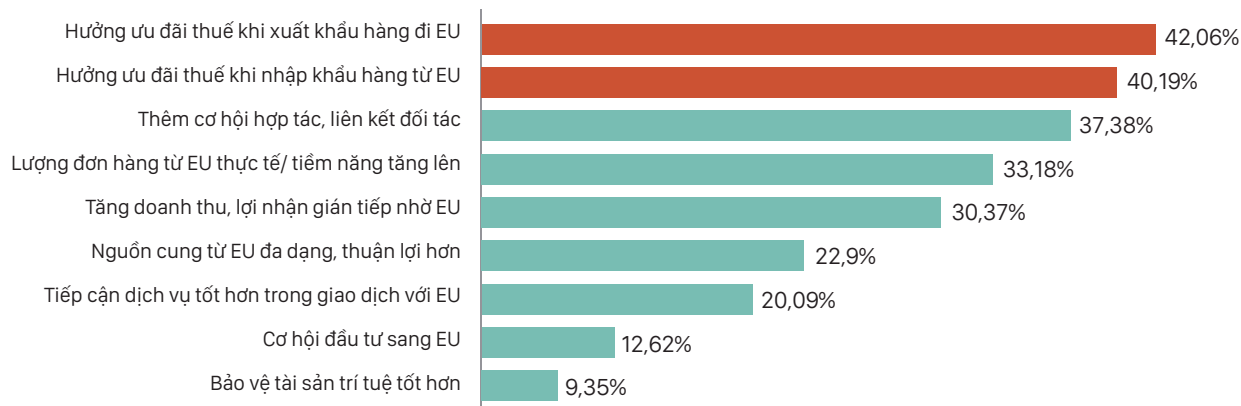
Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022

Đánh giá của doanh nghiệp về việc thực thi EVFTA

Về tổng thể, trong 524 doanh nghiệp phản hồi Khảo sát, có tới **41% doanh nghiệp cho biết đã từng hưởng những lợi ích cụ thể từ EVFTA ở một hoặc các khía cạnh khác nhau**. Trong số này, các lợi ích phổ biến nhất mà doanh nghiệp ghi nhận đều xoay quanh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (thương mại hàng hóa) như ưu đãi thuế quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu (với 40-42% doanh nghiệp); tiếp đó là các hiệu ứng như tăng đơn hàng, tăng doanh thu, lợi nhuận từ cung ứng hàng hóa/dịch vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu với EU. Tuy nhiên, những lợi ích khác ít trực diện hơn nhưng cũng có ý nghĩa quan trọng với một tỷ lệ nhất định các doanh nghiệp như cơ hội hợp tác liên kết, đầu tư kinh doanh (30-37% doanh nghiệp) hay cơ hội đầu tư hoặc bảo hộ tài sản trí tuệ (9-12% doanh nghiệp).



Hình 3 - Các lợi ích cụ thể mà doanh nghiệp ghi nhận sau 02 năm thực thi EVFTA



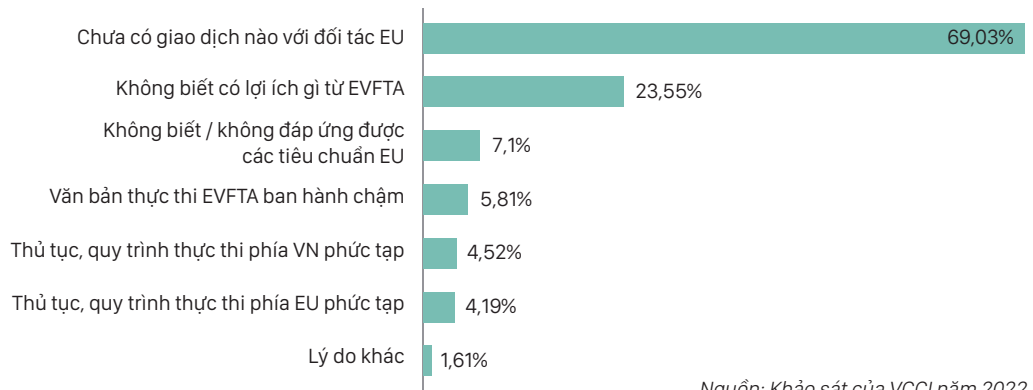
Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022



Về con số 59% các doanh nghiệp chưa từng hưởng lợi từ EVFTA trong hai năm qua, từ góc độ thực tiễn, tỷ lệ này cũng không gây ngạc nhiên bởi với một FTA đồ sộ như EVFTA, với nhiều cam kết có lộ trình thực thi dài, nội dung khó, và trong bối cảnh 2020-2022 đặc biệt phức tạp, đây là tình huống đã được dự báo trước.

Tuy nhiên, ngoài các lý do bối cảnh khách quan nói trên, kết quả Khảo sát cho thấy có nhiều lý do chủ quan khác khiến nhiều doanh nghiệp chưa được hưởng lợi. Có tới 69% các doanh nghiệp cho biết không có bất kỳ giao dịch nào với đối tác EU trong 02 năm này, do đó không hưởng lợi gì từ EVFTA. Đối với các doanh nghiệp đã từng có giao dịch với các thị trường này, lý do lớn nhất (24% doanh nghiệp đề cập) là họ không biết có lợi ích nào từ EVFTA để tận dụng, tiếp theo là một số lý do khác xuất phát từ hạn chế chủ quan của bản thân doanh nghiệp hay từ các vướng mắc khách quan trong tổ chức thực thi EVFTA của cả EU và Việt Nam (4-7%).

Hình 4 - Những lý do cản trở doanh nghiệp hưởng lợi từ EVFTA trong 02 năm đầu thực thi

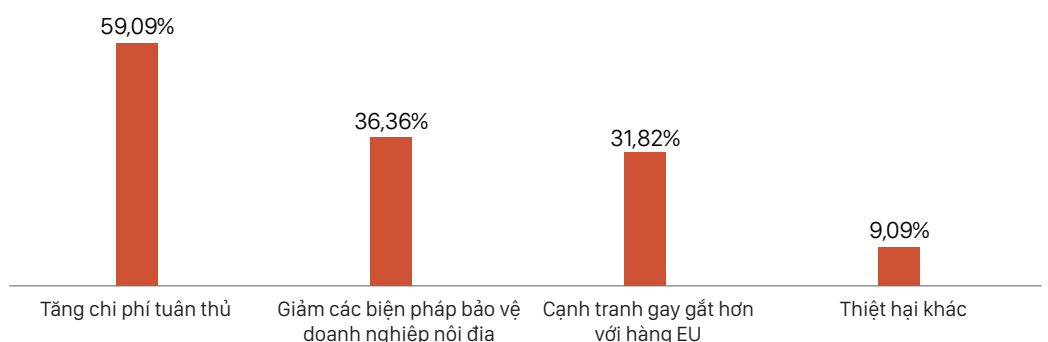


Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022

Bên cạnh những cơ hội, EVFTA cũng tạo thêm những thách thức cho một số các doanh nghiệp. Kết quả Khảo sát thực tế doanh nghiệp sau 2 năm thực thi EVFTA cho thấy có hơn 4% doanh nghiệp cho biết đã từng chịu những thiệt hại nhất định từ việc thực thi Hiệp định. Tuy nhiên, trong số này có những doanh nghiệp vừa được hưởng lợi nhưng cũng phải chịu thiệt hại từ EVFTA.

Trong số các doanh nghiệp cho biết đã từng chịu thiệt hại, Khảo sát cho thấy tác động bất lợi phổ biến nhất mà doanh nghiệp phải chịu từ EVFTA là các chi phí tăng thêm mà doanh nghiệp phải chuẩn bị/thực hiện để sẵn sàng cho các tiêu chuẩn cao (về lao động, môi trường, phát triển bền vững...) theo Hiệp định hoặc theo yêu cầu của thị trường EU để có thể tận dụng cơ hội từ Hiệp định này (59,1%), tiếp đó là việc sản phẩm của doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt hơn với hàng hóa nhập khẩu hưởng ưu đãi từ EVFTA (31,8%) và lo ngại các biện pháp bảo vệ sản xuất nội địa phải dỡ bỏ theo cam kết (36,5%).

Hình 5 - Những thiệt hại mà doanh nghiệp phải chịu từ EVFTA trong 02 năm đầu thực thi



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022



Thực tế hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp với các đối tác EVFTA

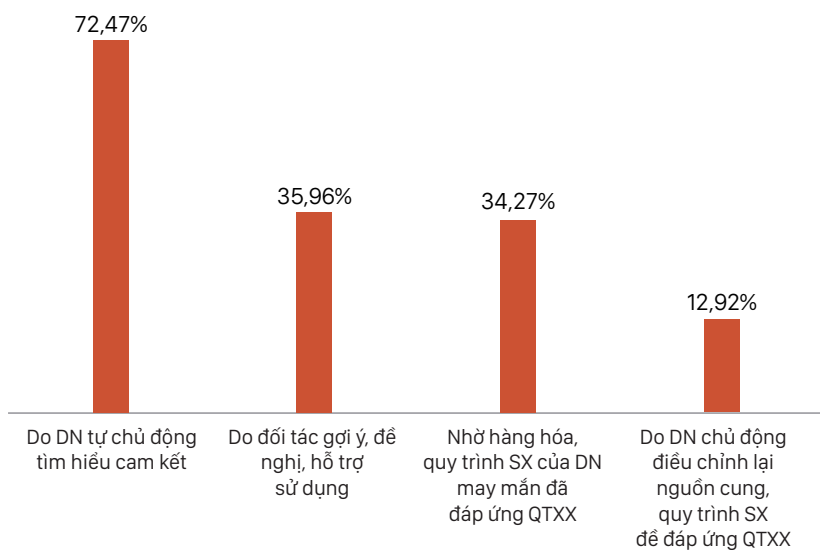
Với các FTA, thương mại hàng hóa, trong đó chủ yếu là ưu đãi thuế quan, luôn là khía cạnh được doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và cũng là khu vực dễ hiện thực hóa các cơ hội nhất. Đối với EVFTA, xu hướng này càng đậm nét hơn bởi đây là FTA đầu tiên giữa hai bên. Do đó, trong nhiều lĩnh vực tác động của EVFTA, Khảo sát dành sự tập trung sâu hơn vào hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp với các thị trường Khối EU.

Về đối tác, các thị trường có trao đổi thương mại hàng hóa chặt chẽ nhất với các doanh nghiệp Việt Nam trong 2 năm đầu thực thi EVFTA là Đức (với 29% doanh nghiệp cho biết từng có hoạt động xuất nhập khẩu với thị trường này trong thời gian 8/2020- 7/2022), Pháp (21,9%), Ý (20,6%), Hà Lan (18,5%). Các doanh nghiệp cũng có hoạt động xuất nhập khẩu với các thị trường khác nhưng với tỷ lệ thấp hơn nhiều so với 04 thị trường này.

Về mức độ tận dụng các ưu đãi thuế quan trong trường hợp có hoạt động xuất nhập khẩu với các đối tác trong EVFTA, có 17% doanh nghiệp đã được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA với ít nhất 01 lô hàng xuất khẩu, 16% đã có lô hàng nhập khẩu hưởng ưu đãi.

Đa số họ biết tới các ưu đãi này là nhờ chủ động trong tìm hiểu về các cam kết ưu đãi thuế quan (73%) và/hoặc được đối tác gợi ý, hỗ trợ tận dụng (36%). Về việc doanh nghiệp đã làm gì để được hưởng ưu đãi, có tới 34% doanh nghiệp cho biết nhờ nguồn cung nguyên liệu và chu trình sản xuất hiện tại may mắn đã đáp ứng quy tắc xuất xứ EVFTA; chỉ có 13% doanh nghiệp là chủ động thay đổi, điều chỉnh để được hưởng ưu đãi này.

Hình 6 - Các yếu tố đã giúp doanh nghiệp tận dụng được ưu đãi thuế quan EVFTA

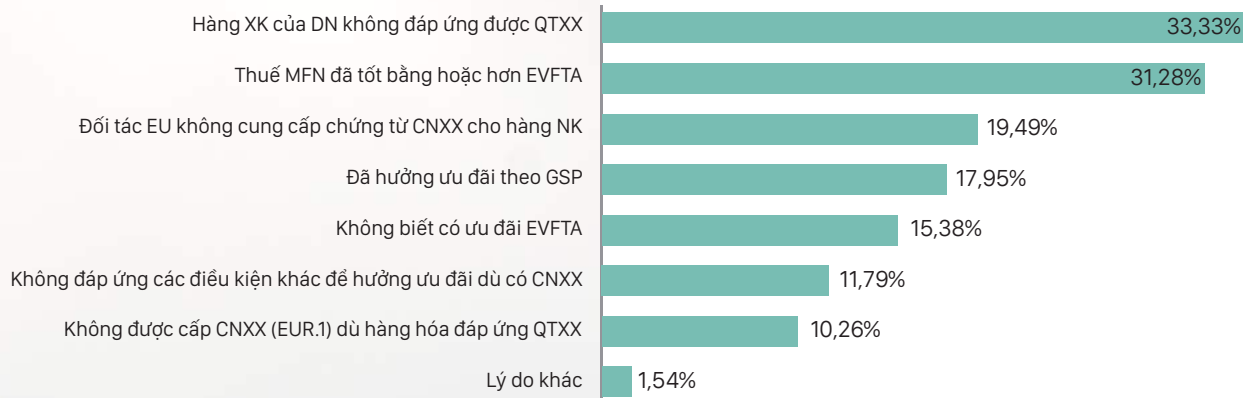


Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022

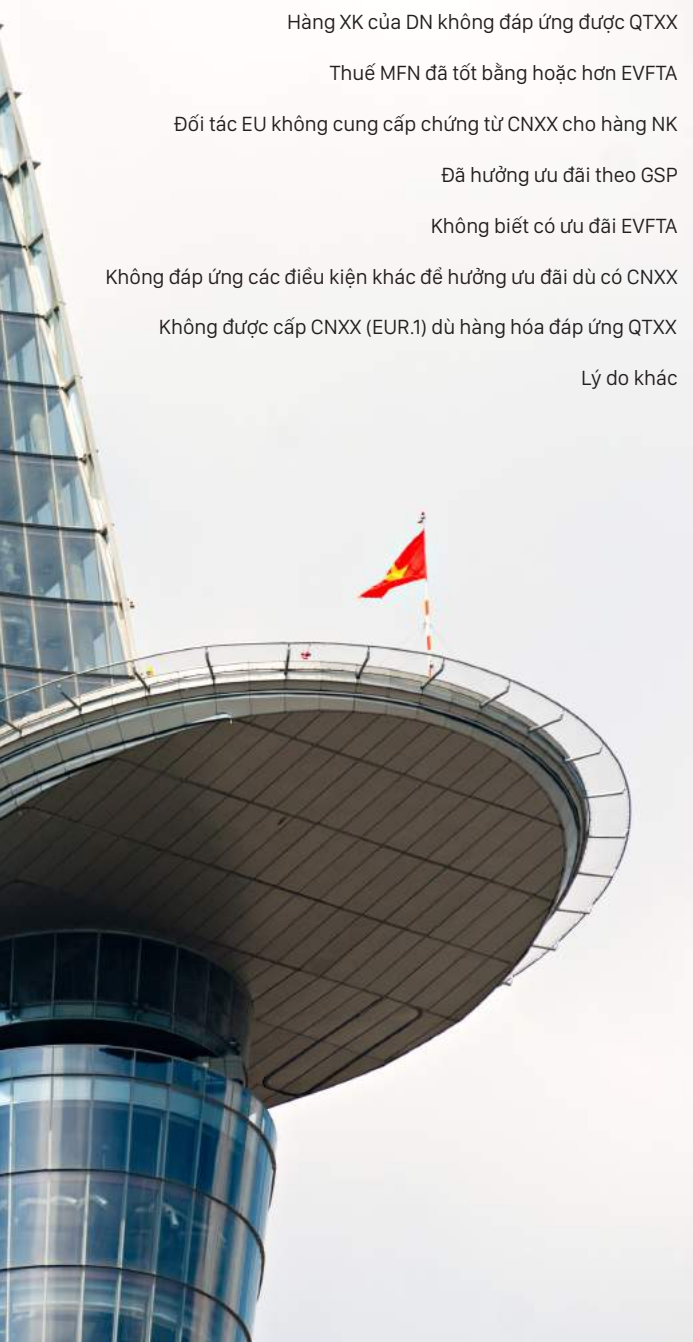


Với các trường hợp chưa hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, lý do phổ biến là hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp không đáp ứng quy tắc xuất xứ EVFTA, vì thế không đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế (20-33% doanh nghiệp) hoặc do đã hưởng ưu đãi thuế khác như GSP hay thuế MFN thấp (18-31%). Tuy nhiên, cũng có một số ít không được hưởng ưu đãi do không bảo đảm các yêu cầu về chứng từ, thủ tục khác liên quan (10-11%) hay thậm chí không biết có ưu đãi thuế quan EVFTA để tận dụng (15%).

Hình 7 - Các lý do khiến doanh nghiệp chưa tận dụng được ưu đãi thuế quan EVFTA



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022



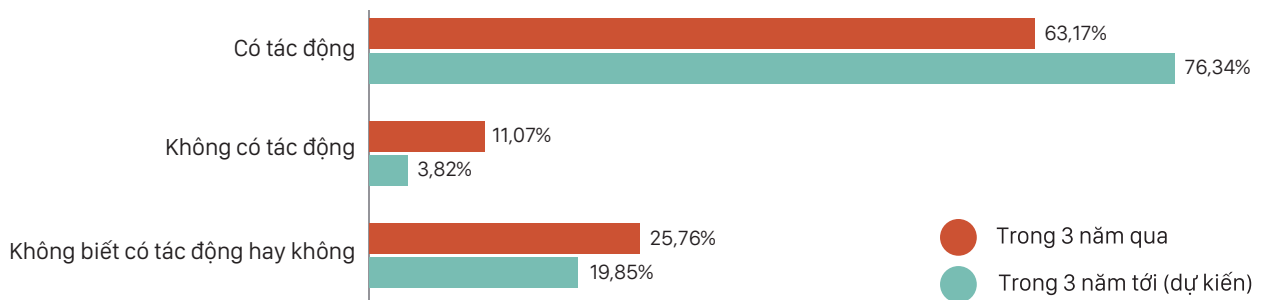


EVFTA và tương lai kinh doanh của doanh nghiệp

Khi được hỏi EVFTA và FTA liệu có tác động tới triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp trong 03 năm tới hay không, có tới 76,3% các doanh nghiệp phản hồi Khảo sát khẳng định các FTA sẽ có tác động, ảnh hưởng tới doanh nghiệp, chỉ có 3,8% cho rằng doanh nghiệp sẽ không chịu tác động nào từ các Hiệp định này. Tuy nhiên, cũng có 19,9% doanh nghiệp lưỡng lự, không chắc liệu mình có chịu tác động gì từ các FTA này hay không.

Trong so sánh với các kết quả tương ứng khi hỏi về tác động của các FTA trong tương lai, có thể thấy số tin rằng có tác động đã tăng lên đáng kể, trong khi số cho rằng không tác động hoặc còn băn khoăn giảm nhiều. Nói cách khác, khi nhìn vào tương lai 03 năm tới, đã có nhiều hơn các doanh nghiệp tin rằng các FTA sẽ có tác động nhiều hơn trong tương lai tới hoạt động của doanh nghiệp so với trước đây, trong đó có cả các doanh nghiệp chưa từng chịu tác động từ các FTA hay chưa nhận diện được các tác động.

Hình 8 - Tác động của các FTA tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2022



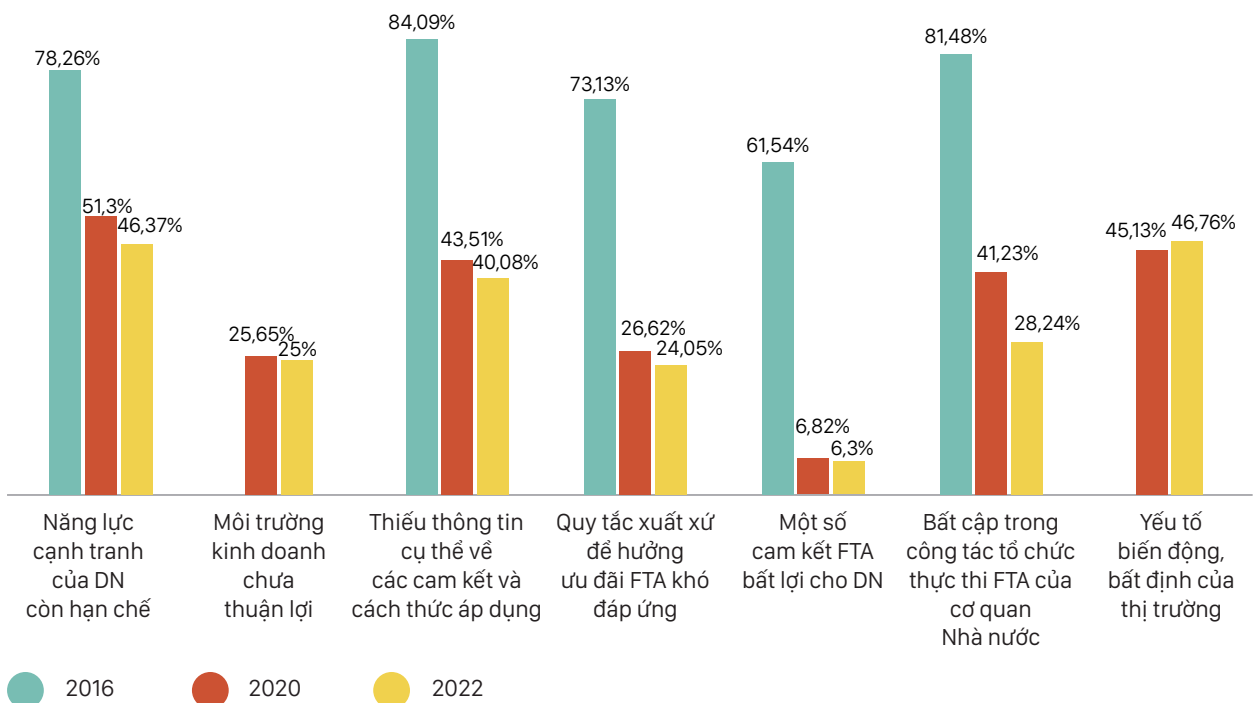
Về hướng tác động, phần lớn (85%) trong số các doanh nghiệp tin rằng EVFTA và các FTA sẽ có tác động cho rằng đây sẽ là các tác động tích cực. Chỉ có 1% doanh nghiệp dự kiến tác động này cơ bản là bất lợi, 8,2% cho rằng lợi-hại đan xen và khoảng 5,5% đoán là sẽ có tác động nhưng không chắc sẽ theo hướng nào là chủ yếu.

Phần lớn kỳ vọng của doanh nghiệp đặt vào khả năng cải thiện trong nguồn cung, lượng đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận, tham gia chuỗi giá trị, cơ hội hợp tác (88-92%). Một mặt, sự lạc quan, tin tưởng và kỳ vọng cao này có thể là cơ sở quan trọng để thúc đẩy sự chủ động của doanh nghiệp trong tìm hiểu cụ thể các cơ hội từ EVFTA và các FTA, từ đó dần hiện thực hóa các mục tiêu kỳ vọng. Mặt khác, những kỳ vọng quá mức hoặc thiếu căn cứ có thể dẫn tới những rủi ro nhất định. Đó có thể là rủi ro trong hoạch định chiến lược kinh doanh tương lai, khi tính toán về lợi ích dự kiến của doanh nghiệp vượt quá xa so với thực tế có thể đạt được. Đó cũng có thể là rủi ro trong đánh giá các nguy cơ, từ đó ảnh hưởng tới việc dự liệu các phương án ứng phó với các thách thức hay sự chuẩn bị cho những khó khăn có thể phát sinh.

Về các lực cản khiến doanh nghiệp khó hiện thực cơ hội từ EVFTA và các FTA, trong so sánh với kết quả các Khảo sát tương tự mà VCCI thực hiện năm 2016 và 2020, kết quả Khảo sát lần này cho thấy dù các lực cản vẫn còn là vấn đề lớn với nhiều doanh nghiệp, tình hình chung đã có những dấu hiệu lạc quan hơn.

Ngoại trừ sự gia tăng khó khăn từ biến động và bất định của thị trường (47% doanh nghiệp đề cập), ở tất cả các khía cạnh khác, tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn đều giảm so với 2020, giảm mạnh so với 2016. Các yếu tố cản trở khác như năng lực cạnh tranh hạn chế (46%), thiếu thông tin về cam kết và cách thức áp dụng (40%), bất cập trong cách thức tổ chức thực thi các FTA của các cơ quan có thẩm quyền (28%), đều có sự giảm xuống đáng kể so với các năm trước đó.

Hình 9 - Những yếu tố cản trở doanh nghiệp hưởng lợi từ các FTA

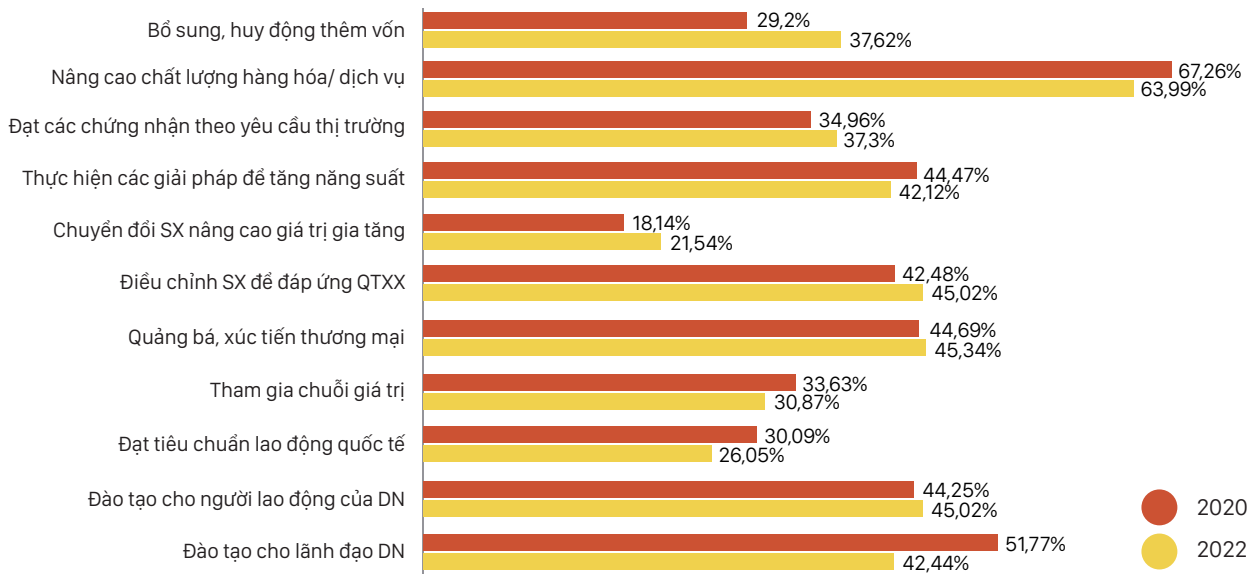


Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2016, 2020, 2022



Về sự chuẩn bị cho EVFTA và các FTA, có 59,4% doanh nghiệp cho biết có kế hoạch điều chỉnh kinh doanh để tận dụng cơ hội lợi ích từ EVFTA và các FTA hoặc hạn chế những bất lợi nếu có từ đây. Các ưu tiên trong kế hoạch điều chỉnh của doanh nghiệp đều nhắm tới việc giải quyết trực diện các tồn tại chủ quan đang cản trở họ tận dụng các cơ hội từ các FTA (chất lượng sản phẩm, trình độ quản trị và chuyên môn của người lao động, quảng bá, xúc tiến thương mại...).

Hình 10 - Các ưu tiên trong điều chỉnh kinh doanh để sẵn sàng cho các FTA



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2020, 2022

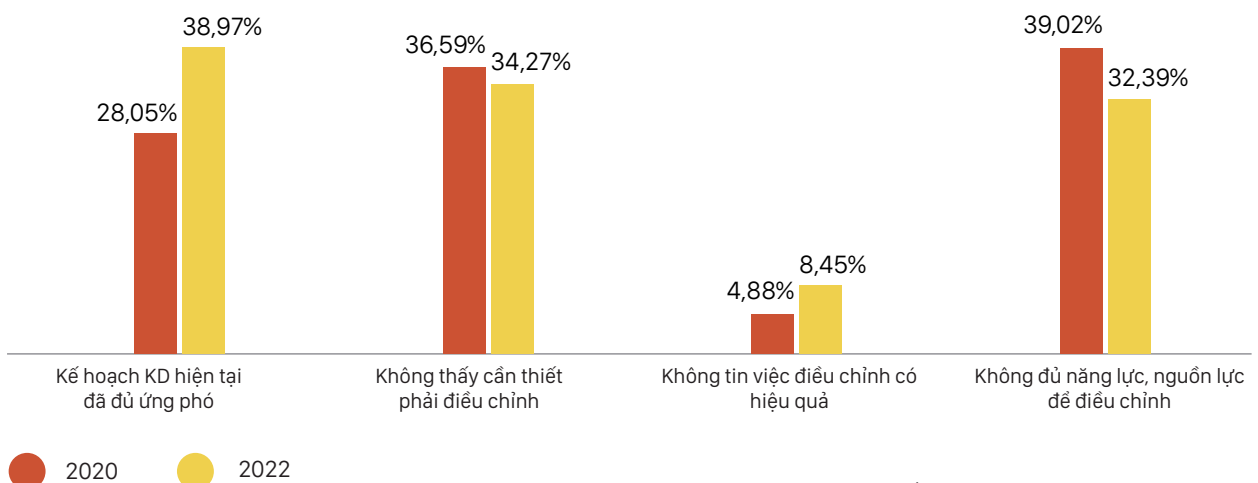




Tuy nhiên, cứ 10 doanh nghiệp được hỏi thì có 4 doanh nghiệp chưa có ý định điều chỉnh sản xuất kinh doanh để sẵn sàng cho các cơ hội, rủi ro từ các FTA. Trong so sánh với tỷ lệ chỉ 26,6% trong Khảo sát năm 2020, dường như các doanh nghiệp hiện tại đã bớt mạo hiểm hơn với việc tự điều chỉnh để “đón” các FTA.

- Có 39% doanh nghiệp lựa chọn không điều chỉnh do họ tin mình đã đủ năng lực để sẵn sàng cho các FTA, dù là các cơ hội hay thách thức. Có thể các doanh nghiệp đã tự tin hơn ở năng lực của mình hiện tại so với hai năm trước. Cũng có thể, các doanh nghiệp đang nhìn nhận thực chất hơn về các FTA, cũng thực dụng hơn trong hành động, và vì vậy nhìn vào các vấn đề trước mắt hơn là lâu dài.
- Có 32-34% doanh nghiệp nhóm “không làm gì” bởi mặc dù họ biết điều chỉnh là hữu ích nhưng không có đủ năng lực, nguồn lực để làm hoặc không biết phải điều chỉnh thế nào, hoặc không thấy cần thiết phải điều chỉnh hay chuyển đổi. Chỉ có 8% doanh nghiệp lựa chọn không điều chỉnh bởi không tin việc này có tác dụng gì cho mình.

Hình 11 - Lý do không điều chỉnh kế hoạch kinh doanh



Nguồn: Khảo sát của VCCI năm 2020, 2022



03

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI EVFTA

Về công tác XDPL thực thi EVFTA

Rà soát của VCCI cho thấy trong 02 năm qua, đã có tổng cộng 09 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được sửa đổi, bổ sung, ban hành nhằm thực thi các cam kết cụ thể trong 06 Chương và 01 Nghị định thư của Văn kiện EVFTA.

Ngoại trừ 01 nhóm cam kết chưa tới lộ trình thực thi (liên quan tới hàng tân trang) và 01 nhóm cam kết đã nội luật hóa nhưng chưa có cơ chế thực thi (liên quan tới quyền tự do liên kết của người lao động), tất cả các cam kết EVFTA đã được “nội luật hóa” và bảo đảm tương thích thông qua 09 văn bản này.

Về cách thức soạn thảo

Các cam kết EVFTA được chuyển hóa vào pháp luật Việt Nam thông qua 03 hình thức:

- Xây dựng văn bản mới, điều chỉnh vấn đề riêng của EVFTA (ví dụ các Nghị định về Biểu thuế ưu đãi, chứng nhận gạo thơm; các Thông tư về quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại);
- Sửa đổi văn bản hiện hành điều chỉnh riêng về FTA (Nghị định về đấu thầu mua sắm gói thầu FTA); hoặc
- Sửa đổi, bổ sung vào văn bản hiện hành điều chỉnh chung (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định về thủ tục hải quan).

Về quy trình soạn thảo

Rà soát cho thấy quá trình soạn thảo các văn bản này tiến hành minh bạch, đúng trình tự thủ tục quy định, các dự thảo đều được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan soạn thảo.

Tuy nhiên, chỉ có 07/09 văn bản gửi lấy ý kiến tham vấn doanh nghiệp qua VCCI. Nhiều ý kiến của doanh nghiệp thông qua VCCI (đặc biệt liên quan tới Nghị định về chứng nhận gạo thơm và Thông tư về phòng vệ thương mại) đã được các Ban soạn thảo tiếp thu.



Về thời điểm ban hành và có hiệu lực

Ngoại trừ Thông tư về quy tắc xuất xứ EVFTA được ban hành trước khi Hiệp định có hiệu lực, tất cả các VBQPPL khác thực thi EVFTA đều ban hành sau thời điểm hiệu lực ngày 01/8/2022. Mặc dù tất cả đều được soạn thảo với tiến độ nhanh hơn thông thường, nếu so sánh với mốc 01/8/2020 theo yêu cầu EVFTA thì trung bình mỗi văn bản này ban hành chậm 278 ngày.

Về kỹ thuật pháp lý, việc các văn bản này được ban hành sau thời điểm cam kết liên quan có hiệu lực không làm ảnh hưởng tới nghĩa vụ của Việt Nam trong EVFTA do tất đều bảo đảm tuân thủ thời hạn hiệu lực theo Hiệp định thông qua một trong các hình thức sau: quy định về hiệu lực áp dụng hồi tố, quy định áp dụng trực tiếp (trong Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn EVFTA), hoặc là quy định tận dụng quyền theo cam kết (mà không phải nghĩa vụ bắt buộc thực hiện theo thời hạn).

Mặc dù vậy, việc các văn bản hướng dẫn thực thi ban hành chậm đã ảnh hưởng nhất định tới khả năng tận dụng các lợi ích từ Hiệp định của các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn đầu.

Về tính thống nhất, tương thích

Rà soát cho thấy tất cả các quy định trong 09 văn bản trên đều bảo đảm phù hợp với Hiến pháp (hợp hiến), phù hợp với các quy định pháp luật trong văn bản cấp cao hơn, đúng thẩm quyền, trình tự, thể thức (hợp pháp), và cơ bản hài hòa, không mâu thuẫn với các quy định khác trong hệ thống pháp luật liên quan.

Từ góc độ tính tương thích, so với yêu cầu trong cam kết EVFTA, rà soát cho thấy có các nhóm sau đây:

- Phần lớn các quy định trong các VBQPPL thực thi EVFTA đều tương thích với cam kết EVFTA mà chúng “nội luật hóa” (đặc biệt là về ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại...);
- Một số trường hợp thực hiện các cam kết ở mức cao hơn yêu cầu hoặc với lộ trình sớm hơn (ví dụ: các yêu cầu minh bạch hóa trong thủ tục đấu thầu);
- Một vài trường hợp chưa hoàn toàn bám sát cam kết (ví dụ: thay đổi điều kiện áp dụng so với cam kết về đình chỉ bảo hộ nhãn hiệu đã trở thành tên gọi chung), hoặc hiện trạng pháp luật chưa bảo đảm việc thực thi cam kết EVFTA trên thực tế (ví dụ: pháp luật về tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, pháp luật về kiểm tra chuyên ngành).

Về tính minh bạch và khả thi

Theo kết quả rà soát, hầu như tất cả các quy định trong các văn bản pháp luật thực thi EVFTA đều được thiết kế hợp lý, rõ ràng, chặt chẽ, bảo đảm khả thi trên thực tế.

Mặc dù vậy, vẫn còn một số ít trường hợp chưa hoàn toàn hợp lý, minh bạch, có thể dẫn tới khó khăn trong quá trình áp dụng hoặc hạn chế quyền mà lẽ ra doanh nghiệp có thể được hưởng theo cam kết (ví dụ cách thiết kế hệ thống quy định pháp luật đấu thầu độc lập cho các gói thầu FTA; điều kiện chậm nộp chứng từ xuất xứ hưởng ưu đãi EVFTA; quy định không phân biệt các trường hợp lỗi vô ý/cố ý trong bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ...).





04

KHUYẾN NGHỊ

Nhìn chung, từ các kết quả 02 năm đầu thực thi EVFTA, có thể thấy Hiệp định này đã được thực thi tương đối hiệu quả cả từ góc độ thương mại, đầu tư cũng như xây dựng pháp luật bảo đảm tuân thủ cam kết, mang tới những lợi ích thực tế cho một số doanh nghiệp. Tuy nhiên, cũng tồn tại một số bất cập, hạn chế cản trở doanh nghiệp hiện thực hóa các lợi ích kỳ vọng từ Hiệp định.

Trên cơ sở các phát hiện này, trong giai đoạn thực thi tiếp theo, cần thiết phải có những điều chỉnh phù hợp trong chính sách của Nhà nước cũng như trong nhận thức và hành động của doanh nghiệp để “dọn mình” tốt hơn, sẵn sàng thực thi hiệu quả hơn Hiệp định này trong thời gian tới.

Với các cơ quan Nhà nước

Báo cáo của VCCI đưa ra một số khuyến nghị đáng chú ý cả từ góc độ xây dựng pháp luật thực thi Hiệp định cũng như các hoạt động hỗ trợ cải thiện hiệu quả thực thi:

- Điều chỉnh một số quy định, cơ chế thực thi EVFTA cho phù hợp, bám sát hơn cam kết EVFTA và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.
- Thay đổi hướng thông tin về EVFTA và các FTA cho doanh nghiệp: (i) Chuyển từ thông tin chung sang thông tin chi tiết, chính xác, cập nhật theo nhu cầu doanh nghiệp và có thể tiếp cận dễ dàng hơn; (ii) Các thông tin thị trường từ mạng lưới các cơ quan xúc tiến thương mại Việt Nam ở nước ngoài cần được tận dụng để giới thiệu cho doanh nghiệp trong nước về các cơ hội xuất khẩu, nhập khẩu với các thị trường cụ thể trong khối EU.
- Điều chỉnh các chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp, các ngành hàng của các Bộ ngành, địa phương theo hướng thích hợp và thực chất hơn: (i) Các chương trình hỗ trợ cải thiện năng lực cạnh tranh cần tập trung vào những vấn đề ưu tiên của doanh nghiệp như nâng cao chất lượng sản phẩm, đào tạo kỹ năng quản lý cho lãnh đạo và chuyên môn cho người lao động, cải thiện công nghệ...; (ii) Các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại cần được chú trọng triển khai một cách hệ thống, bài bản và ở tầm quốc gia; (iii) Cần thiết lập các diễn đàn hoặc các kênh kết nối bạn hàng, chấp mối kinh doanh giữa doanh nghiệp ở Việt Nam và đối tác (tương tự như cách mà Thương vụ Việt Nam ở một số thị trường như Australia, Bắc Âu đã thực hiện...).





Với các doanh nghiệp

Báo cáo của VCCI nhấn mạnh một số giải pháp để doanh nghiệp có thể tận dụng hiệu quả EVFTA và các FTA đáng chú ý:

- Cần chủ động tìm hiểu các cam kết, tác động của chúng và có sự chuẩn bị, hành động thích hợp;
- Cải thiện năng lực cạnh tranh là yếu tố nền tảng để doanh nghiệp có thể tận dụng các cơ hội hội nhập FTA, trong đó cần chú ý (i) Các điều chỉnh kinh doanh nhằm tận dụng cơ hội hội nhập EVFTA và các FTA có thể được thực hiện dần dần, từng bước, bắt đầu từ những vấn đề tồn tại cản trở năng lực cạnh tranh lớn nhất của doanh nghiệp tới những vấn đề xa hơn; (ii) Doanh nghiệp có thể tìm kiếm các hỗ trợ từ các cơ quan Nhà nước (đặc biệt là trong khuôn khổ các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh như đề cập ở trên), từ các tổ chức như VCCI, hiệp hội ngành nghề cho các kế hoạch điều chỉnh của mình; (iii) Cần ưu tiên tập trung trước hết vào các khía cạnh mà doanh nghiệp còn yếu thay vì điều chỉnh diện rộng, dàn trải;
- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt trong khuôn khổ các hiệp hội, sẽ là yếu tố trợ lực có ý nghĩa để việc tận dụng các cam kết hội nhập của doanh nghiệp được hiệu quả, an toàn và bền vững hơn, trong đó bao gồm cả (i) hợp tác trong kinh doanh (để cùng triển khai các hợp đồng lớn hay đáp ứng yêu cầu của các đối tác lớn, hình thức hợp tác dưới dạng tham gia chuỗi sản xuất) và (ii) hợp tác trong các hoạt động chung (xúc tiến thương mại, vận động chính sách, bảo vệ quyền trong các tranh chấp...).

Thực thi EVFTA là một con đường dài, mà hai năm vừa qua chúng ta mới chỉ đi những bước đầu tiên. Trên chặng đường này, đã có những thành công được ghi nhận, những trái ngọt đầu tiên được gặt hái, nhưng cũng có những vướng mắc, e ngại và những cơ hội chưa thành hiện thực. Bài học rút ra từ những gì nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam đã nếm trải trong hai năm này, cả từ các lợi ích thu được hay bị bỏ lỡ và những nguyên nhân đằng sau chúng là rất quý giá cho những chặng tiếp theo của quá trình thực thi Hiệp định quan trọng này. Hy vọng rằng với sự trợ giúp của những kinh nghiệm đã trải, với niềm tin về tương lai sắp tới của EVFTA và các FTA, cùng với quyết tâm hội nhập hiệu quả để tiến lên thịnh vượng, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đi những bước vững chắc hơn, có những lựa chọn hợp lý và hiệu quả hơn, từ đó gặt hái thành công hơn nữa trong chặng đường hội nhập tiếp theo./.

Doanh nghiệp có thể tải **Báo cáo nghiên cứu “Việt Nam sau 02 năm thực thi EVFTA từ góc nhìn doanh nghiệp”** tại trang web của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link sau: <https://trungtamwto.vn/an-pham/22126-bao-cao-viet-nam-sau-02-nam-thuc-thi-evfta-tu-goc-nhin-doanh-nghiep>

(Trungtamwto.vn > Ấn phẩm – Tài liệu > FTA)

THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP - VCCI

- Website www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> Mục FTA >> EVFTA (<https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1>)

- Facebook: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI

- Đường dây tư vấn, Dịch vụ tư vấn theo vụ việc
(Email: banthuky@trungtamwto.vn; Điện thoại: 024 3577 1458)




Giấy phép xuất bản số: 129/GP-XBBT, ngày 09/11/2022

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Thiết kế đồ họa: tranhamy.kts17@gmail.com

In tại Công ty TNHH Một Thành Viên In Công Nghiệp Ánh Dương



**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 35771458

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn

Facebook.com/[trungtamwtovahoinhap](https://www.facebook.com/trungtamwtovahoinhap)